

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TƯỞNG QUỐC CÔNG

**QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỆ THỐNG  
TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hà Nội - 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TƯỞNG QUỐC CÔNG

**QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỆ THỐNG  
TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM**

**Ngành: Quản lý Kinh tế**

**Mã số: 8.34.04.10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS.TS. BÙI QUANG TUẤN**

**Hà Nội - 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan Luận văn “*Quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam*” là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả, với sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS. Bùi Quang Tuấn.

Các tài liệu tham khảo, các số liệu thống kê phục vụ mục đích nghiên cứu công trình này được sử dụng đúng quy định, không vi phạm quy chế bảo mật của Nhà nước.

Tôi xin cam đoan bản luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Tưởng Quốc Công**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TRỌNG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC.....</b>	<b>6</b>
1.1. Tài sản nhà nước trong các cơ quan nhà nước .....	6
1.2. Quản lý TSC trong cơ quan Nhà nước .....	13
1.3. Đánh giá kết quả quản lý tài sản công trong các cơ quan nhà nước .....	24
1.4. Kinh nghiệm quản lý tài sản công ở các quốc gia trên thế giới .....	29
<b>Chương 2 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỆ THỐNG TOÀ ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>34</b>
2.1. Tổng quan về hệ thống toà án nhân dân.....	34
2.2. Thực trạng quản lý tài sản nhà nước tại ngành Toà án nhân dân.....	44
2.3. Đánh giá thực trạng quản lý TSC tại hệ thống TAND.....	54
<b>Chương 3 GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỆ THỐNG TAND Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>60</b>
3.1. Phương hướng tăng cường công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam .....	60
3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý TSC tại hệ thống TAND ở Việt Nam...	61
3.3. Kiến nghị.....	76
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>78</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
NN	Nhà nước
NSNN	Ngân sách nhà nước
CQNN	Cơ quan nhà nước
CQHCSN	Cơ quan hành chính sự nghiệp
TS	Tài sản
TSNN	Tài sản nhà nước
TSC	Tài sản công
TAND	Toà án nhân dân
TANDTC	Toà án nhân dân tối cao
TSCĐ	Tài sản cố định
TC	Tài chính
PTLV	Phương tiện làm việc
PTVT	Phương tiện vận tải

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Tài sản công, một bộ phận quan trọng của tài sản quốc gia, là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác. Tài sản công là nguồn lực của đất nước do Nhà nước làm chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu quản lý, sử dụng nhằm thực thi có hiệu lực và hiệu quả chức năng tổ chức và quản lý xã hội. Trước vai trò quan trọng của công tác quản lý tài sản công và thực tiễn đổi mới nền kinh tế - xã hội, Quốc hội khoá XIV nước ta đã ban hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Tiếp đó, Chính phủ ban hành nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Hệ thống TAND có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế, bảo vệ chế độ và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản công, tập thể và của công dân.v.v.. thông qua các hoạt động xét xử các vụ án hình sự, dân sự và các vụ việc khác liên quan đến luật pháp và quyền công dân. Để thực hiện chức năng của mình, Hệ thống Tòa án nhân dân được giao quản lý, sử dụng một khối lượng tài sản công rất lớn và gia tăng hàng năm.

Như mọi tài sản công khác, tài sản công tại Hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam cũng phải được quản lý thống nhất, chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Trong quá trình đổi mới kinh tế - xã hội và cải cách hoạt động tư pháp, công tác quản lý tài sản công tại Hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam trong những năm gần đây đã bước đầu đi vào nề nếp, đã chú trọng trang cấp tương đối đầy đủ về số lượng và chất lượng tài sản. Việc trang cấp về cơ bản bảo đảm đúng đối tượng, đã mở sổ sách theo dõi, cập nhật quản lý qua đó góp phần quan trọng vào việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hệ thống.

Tuy nhiên trong những năm qua, tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại Hệ thống Tòa án nhân dân Việt Nam vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập như: Áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chưa đồng bộ, chưa thống nhất; cơ chế phân cấp quản lý chưa rõ ràng, dẫn đến việc lập hồ sơ tài sản, quản trị tài sản, kế toán tài sản, báo cáo thống kê tăng giảm tài sản, công tác bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế tài sản chưa được tiến hành một cách thường xuyên;

công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng tài sản công chưa thật sự được coi trọng; bộ máy quản lý công sản của hệ thống Tòa án nhân dân mới được thành lập và đi vào hoạt động (2011), công tác chỉ đạo hướng dẫn, cập nhật văn bản quy định mới chậm so với yêu cầu quản lý theo hệ thống dọc. Những hạn chế, bất cập đó một mặt làm giảm hiệu quả sử dụng của tài sản công, mặt khác chưa đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại Hệ thống Tòa án nhân dân theo Hiến pháp sửa đổi (2013). Đến nay cũng đã có một số công trình nghiên cứu về công tác quản lý tài sản nhà nước nhưng do hiện nay đã có nhiều thay đổi trong quản lý tài sản nhà nước nên các công trình đó còn có nhiều bất cập. Mặt khác cũng chưa có công trình nào nghiên cứu về quản lý tài sản nhà nước tại Hệ thống Tòa án nhân dân. Vì vậy tác giả đã lựa chọn đề tài “Quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Vấn đề quản lý TSC là một nội dung lớn đã và đang được đề cập tới trong một số công trình nghiên cứu gần đây ở trong nước, hiện nay có một số công trình nghiên cứu, luận án tiến sĩ, luận văn cao học, báo cáo khoa học... đã công bố có chủ đề liên quan đến đề tài luận văn.

Trước đây Việt Nam phát triển kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa tập trung vì vậy vấn đề quản lý TSC gần như không được nghiên cứu. Từ khi đất nước chuyển đổi sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề của kinh tế thị trường mới bắt đầu được nghiên cứu, tuy nhiên vấn đề quản lý TSC gần như được nghiên cứu sau cùng. Luật quản lý, sử dụng TSC đến 3/6/2008 mới được ban hành lần đầu tiên ở Việt Nam. Vì vậy việc nghiên cứu quản lý TSC trong CQNN từ 2000 mới được các nhà khoa học trong nước nghiên cứu. Từ đó đến nay, đã có nhiều tác giả nghiên cứu về quản lý, sử dụng TSC trong các CQNN ở Việt Nam dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

- Trong đề tài “ Chiến lược đổi mới cơ chế quản lý tài sản công giai đoạn 2001-2010”, 2000, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, của tác giả PGS.TS Nguyễn Văn Xa đã tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng tình hình quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản công trong nền kinh tế Việt Nam (trong đó có tài sản công trong khu vực hành chính sự nghiệp). Trong giai đoạn 1995-2000, từ đó đề xuất giải pháp đổi mới cơ chế quản lý tài sản công trong lĩnh vực hành chính sự nghiệp đến năm 2010. Đây là công trình khoa học đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận, những quan điểm mới về quản lý, sử dụng tài sản công trong điều kiện vận hành nền kinh tế theo mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Trong đề tài “Hoàn thiện cơ chế quản lý TSC tại đơn vị sự nghiệp”, đề tài nghiên cứu cấp bộ năm 2002 của tác giả Tiến sĩ Phạm Đắc Phong ở Hà Nội đã tập trung nghiên cứu cơ chế quản lý TSC trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao. Đề tài đã nghiên cứu việc quản lý TSC của các cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sự nghiệp (chủ yếu là đơn vị sự nghiệp) của một số bộ ngành cụ thể. Từ đó đề xuất hướng hoàn thiện cơ chế quản lý TSC tại đơn vị sự nghiệp của các lĩnh vực trên.

- Trong đề tài “Đổi mới cơ chế quản lý TSC tại đơn vị sự nghiệp công lập” đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2013 của tác giả Phạm Đình Cường ở Hà Nội.

Về lý luận: đề tài đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về cơ chế quản lý TSC tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Về mặt thực tiễn: Đã phân tích thực trạng cơ chế quản lý TSC tại đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý TSC trong các đơn vị trong thời gian tới.

- Luận án tiến sỹ kinh tế:

+ Luận án “ Cơ chế quản lý TSC trong khu vực hành chính sự nghiệp ở Việt Nam”, của nghiên cứu sinh Nguyễn Mạnh Hùng- Đại học kinh tế quốc dân năm 2008 về lý luận, luận án đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập về TSC trong khu vực hành chính sự nghiệp. Tác giả đã đi sâu phân tích cơ chế quản lý tài sản công, hiệu quả và hiệu lực của cơ chế quản lý tài sản công trong khu vực hành chính sự nghiệp ở Việt Nam. Đồng thời cũng khảo cứu kinh nghiệm quản lý TSC ở một số quốc gia trên thế giới.

+ Luận án “Quản lý TSC trong các cơ quan hành chính sự nghiệp ở Việt Nam” của nghiên cứu sinh Phan Hữu Nghị- Đại học kinh tế quốc dân năm 2009

Về lý luận, luận án đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về quản lý TSC trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam như: Cơ quan hành chính sự nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, TSC trong các cơ quan hành chính nhà nước, quản lý TSC trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Về mặt thực tiễn, luận án đi sâu phân tích thực trạng quản lý TSC là trụ sở làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam. Từ đó rút ra những ưu điểm, hạn chế và bất cập trong quản lý trụ sở làm việc tại các cơ quan hành chính ở Việt Nam. Trên cơ sở đó luận án đã đề xuất được các giải pháp để hoàn thiện quản lý trụ sở làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam giai đoạn tới.

Trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam, theo tìm hiểu của tác giả hầu như chưa có đề tài nghiên cứu nào. Trong quá trình thực hiện tác giả đã kế thừa, học tập những ưu việt của các công



trình nghiên cứu trước đó để hoàn thành luận văn của mình. Luận văn này sẽ tiếp tục hoàn thiện các khoảng trống cần nghiên cứu về công tác quản lý tài sản công nói chung và quản lý tài sản công tại hệ thống tòa án nhân dân ở Việt Nam nói riêng để giải quyết các vấn đề tồn đọng trong các nghiên cứu hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu làm rõ thực trạng quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam giai đoạn 2013-2017, chỉ ra các kết quả, còn hạn chế, phân tích nguyên nhân, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam trong thời gian tới

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

- Hệ thống hóa lý luận về quản lý tài sản công trong các cơ quan nhà nước ở Việt Nam.

- Phân tích thực trạng quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam giai đoạn 2013-2017; nêu các kết quả đạt được, những hạn chế và bất cập trong quản lý tài sản công và các nguyên nhân của hạn chế.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam giai đoạn tới.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**4.1. Đối tượng nghiên cứu:** Công tác quản lý tài sản công, cụ thể là thực trạng công tác quản lý tài sản công, những điểm tích cực và hạn chế về công tác này tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung nghiên cứu

+ Tình hình quản lý tài sản công ở hệ thống Tòa án nhân dân trong đó đi sâu phân tích thực trạng quản lý tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, phương tiện vận tải, tài sản chuyên dùng và tài sản khác. Luận văn tập trung nghiên cứu công tác quản lý của cơ quan quản lý công sản thuộc Tòa án nhân dân Tối cao đối với tài sản công của toàn hệ thống.

- Về thời gian: Giai đoạn 2013-2017.

- Về địa bàn nghiên cứu: Hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, trong quá trình nghiên cứu, luận văn chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tổng quan các tài liệu: đây là phương pháp quan trọng để tìm hiểu những tài liệu lý thuyết về quản lý tài sản công, các công trình khoa học đã nghiên cứu. Trên cơ sở phân tích những tài liệu đã có giúp học viên tìm ra những nội dung và phương pháp mà các nghiên cứu trước đó đã giải quyết, từ đó tìm ra khoảng trống cho nghiên cứu luận văn của mình.

- Phương pháp thống kê so sánh: Luận văn sử dụng phương pháp này để phân tích thực trạng công tác quản lý tài sản công ở hệ thống Tòa án nhân dân, thông qua các chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, chỉ số.v.v... và được thể hiện qua các bảng phân tích và sơ đồ minh họa. Từ đó rút ra nhận xét về ưu điểm, nhược điểm và nguyên nhân của những nhược điểm trong công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân.

- Về nguồn số liệu: Chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp từ các báo cáo của hệ thống Tòa án nhân dân và Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

- Hệ thống hóa, hoàn thiện và bổ sung các vấn đề lý luận về quản lý tài sản công, xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý tài sản công trong các cơ quan nhà nước.

- Khảo sát các bài học kinh nghiệm về quản lý tài sản công ở một số quốc gia để có thể vận dụng vào quản lý tài sản công ở các cơ quan nhà nước ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn 2013-2017.

- Tìm ra hạn chế, bất cập và nguyên nhân tại sao hiệu quả quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân chưa tốt, chưa khai thác hết công năng của tài sản công trong các cơ quan này.

- Đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam trong thời gian tới.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Đề tài ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo sẽ có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về quản lý tài sản công trong các cơ quan nhà nước;

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân;

Chương 3: Giải pháp tăng cường công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam.

# Chương 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

### 1.1. Tài sản nhà nước trong các cơ quan nhà nước

#### 1.1.1. Khái niệm về tài sản công

Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội định nghĩa: “Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác”.

Bất cứ một quốc gia nào muốn tồn tại và phát triển đều phải dựa vào một trong các nguồn lực của mình là tài sản quốc gia. Đó là tất cả những tài sản do các thể hệ thành viên của quốc gia tạo ra hoặc thu nạp được và các tài sản do thiên nhiên ban tặng cho con người. Trong phạm vi một đất nước, tài sản quốc gia có thể thuộc sở hữu riêng của từng thành viên hoặc nhóm thành viên hoặc là sở hữu chung của tất cả thành viên trong cộng đồng quốc gia; đó là tài sản nhà nước; cũng có quốc gia quan niệm TSC là tài sản thuộc về nhà nước. Tỷ trọng TSC trong tổng số tài sản quốc gia lớn hay nhỏ tùy thuộc vào quan hệ sản xuất đặc trưng của các hình thái kinh tế - xã hội ở các giai đoạn lịch sử của mỗi nước.

Ở Pháp, “Tài sản quốc gia được hiểu là toàn bộ tài sản và quyền hạn đối với động sản và bất động sản thuộc về Nhà nước” (Điều L.1 Bộ luật Tài sản nhà nước năm 1998).

Ở Việt Nam, Điều 53 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. Điều 197 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tài sản thuộc hình thức sở hữu toàn dân như sau: “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”.

Tiếp đó, tại các Điều 228, 229, 230, 235, 244 và 622 của Bộ luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 26 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 124 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 đã quy định cụ thể các tài sản khác thuộc sở hữu nhà nước do pháp luật quy định bao gồm: Các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, vật chứng trong vụ án hình sự bị tịch thu sung quỹ nhà nước; vật bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy, vật vô chủ, vật không xác định được ai là chủ sở hữu, vật do người khác đánh rơi, bỏ quên được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật, di sản không người thừa kế hoặc có nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản, tài sản do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu tặng Chính phủ hoặc tổ chức nhà nước... Theo Giáo trình “Quản lý tài sản công”:

“Tài sản nhà nước là những tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật; đất đai, rừng tự nhiên, núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi tự nhiên ở vùng biển, thềm lục địa và vùng trời” [18 Tr6].

Khái niệm về TSC trên đây ở các nước cũng như ở nước ta đã phản ánh đầy đủ các TSC đã được thể chế hoá trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đồng thời phản ánh hai mặt cơ bản của TSC.

- Thứ nhất, tuy mức độ có khác nhau, nhưng mọi chế độ xã hội đều tồn tại TSC là các tài sản thuộc sở hữu của mọi thành viên của quốc gia mà Nhà nước là người đại diện chủ sở hữu. Nhà nước giao TSC cho các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng; do đó, nhà nước phải tổ chức quản lý việc sử dụng tài sản nhà nước bằng một hệ thống các chính sách, chế độ, công cụ, biện pháp quản lý và có bộ máy quản lý để đảm bảo việc sử dụng tài sản nhà nước tiết kiệm, có hiệu quả, đem lại lợi ích cho toàn dân.

- Thứ hai, Khái niệm TSC đã bao hàm đầy đủ các loại tài sản mà ở tất cả các chế độ khác nhau đều có như tài sản có được từ đầu tư xây dựng, mua sắm bằng quỹ tiền tệ tập trung của ngân sách nhà nước, các tài sản khác mà Nhà nước thu nạp được và nguồn tài sản do thiên nhiên ban tặng cho con người.

#### *1.1.2. Đặc điểm tài sản công.*

**Thứ nhất**, TSC phong phú về chủng loại; mỗi loại tài sản có tính năng, công dụng khác nhau và được sử dụng vào các mục đích khác nhau, được đánh giá hiệu quả theo những tiêu thức khác nhau; TSC nhiều về số lượng, lớn về giá trị và mỗi

loại tài sản lại có giá trị sử dụng khác nhau, thời hạn sử dụng khác nhau...; do đó việc quản lý đối với mỗi loại tài sản cũng có những đặc điểm khác nhau.

**Thứ hai**, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng TSC lại không phải là người có quyền sở hữu tài sản; do đó, nếu không quản lý chặt chẽ sẽ dẫn đến việc sử dụng tài sản lãng phí, thất thoát tài sản.

**Thứ ba**, TSC được phân bổ ở khắp mọi miền đất nước, được giao cho các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng; có loại tài sản đa số các tổ chức, cá nhân có yêu cầu sử dụng và được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng (trụ sở, xe ô tô phục vụ công tác...), có loại tài sản chỉ có một ngành hoặc một số tổ chức, cá nhân có yêu cầu sử dụng phù hợp tính chất hoạt động đặc thù của tổ chức và được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng; do đó, phải có cơ chế quản lý và tổ chức bộ máy quản lý tài sản nhà nước cho phù hợp.

**Thứ tư**, TSC bao gồm hai loại: tài sản kinh doanh (tài sản nhà nước giao cho doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức kinh tế khác của Nhà nước), tài sản không kinh doanh (TSC giao cho cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công (không kinh doanh), đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và các tổ chức khác); do đó, cơ chế quản lý và bộ máy tổ chức quản lý nhà nước phải phù hợp với loại tài sản này, nhưng phải đảm bảo thống nhất trong toàn bộ cơ chế quản lý TSC.

### *1.1.3. Vai trò của tài sản công trong đời sống kinh tế*

Tài sản quốc gia nói chung và TSC nói riêng đều tạo ra cho quốc gia một tiềm lực phát triển, một cuộc sống vật chất, văn hoá, tinh thần. Bác Hồ đã khẳng định: “tài sản nhà nước là nền tảng, là vốn liếng để khôi phục và xây dựng kinh tế chung, để làm cho dân giàu, nước mạnh, để nâng cao đời sống nhân dân”. Vai trò của TSC có thể được xem xét dưới nhiều khía cạnh: kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, tinh thần được thể hiện trên các mặt cơ bản sau:

#### *1.1.3.1. Tài sản nhà nước là tài sản của một quốc gia*

Trước hết nói đến TSC là nói đến sức mạnh vật chất hiện thực về kinh tế, quốc phòng của mỗi quốc gia, sức mạnh này được khẳng định trên các mặt: chủng loại, khối lượng, số lượng, giá trị toàn bộ TSC được tích lũy từ nhiều thế hệ, là sức mạnh kinh tế, quốc phòng của mỗi quốc gia, có những tài sản là những công trình vĩ đại, chứa đựng tinh hoa của dân tộc, là biểu tượng, là di sản vô giá, là niềm tự hào của dân tộc. Ví dụ: Nói đến Kim tự tháp là chúng ta nghĩ đến đất nước Ai Cập; nói đến đất nước Việt Nam thì có Cố đô Huế .v.v...

Thứ hai, TSC là nhân chứng của quá trình phát triển của mỗi quốc gia, thể hiện trình độ phát triển của mỗi triều đại, qua các giai đoạn của một quốc gia. Do được tích lũy từ nhiều thế hệ nên tài sản nhà nước là di sản – tài sản của quốc gia; nhất là các công trình kiến trúc, hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng được lưu chuyển từ thế hệ trước cho thế hệ sau, những công trình đó đánh dấu sự phát triển của mỗi triều đại, là nhân chứng cho thành quả lao động của mỗi dân tộc ở mỗi thời đại. Trong xã hội đương đại, TSC của mỗi quốc gia phản ánh trình độ phát triển, tiềm lực kinh tế của đất nước. Những quốc gia phát triển, có tiềm lực kinh tế mạnh thì có khối lượng tài sản nhà nước lớn và hiện đại, ngược lại, những quốc gia kinh tế chậm phát triển và tiềm lực kinh tế kém thì không có đủ nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển tài sản nhà nước bằng các nước giàu.

Thứ ba, loài người đã trải qua các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Ở mỗi quốc gia đều trải qua các triều đại kế tiếp nhau, triều đại sau tiếp thu và thừa kế tài sản nhà nước của triều đại trước để lại; không một cá nhân, tổ chức nào có quyền thừa kế TSC. Kế thừa TSC từ triều đại trước để lại thuộc thẩm quyền của nhà nước kế sau, đó là lẽ đương nhiên của xã hội loài người.

#### 1.1.3.2. Tài sản nhà nước là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất xã hội

Trong bất kỳ giai đoạn phát triển nào của lịch sử, sản xuất ra của cải vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội và suy cho cùng thì nó quy định và quyết định toàn bộ đời sống xã hội. Bất cứ nền sản xuất nào, kể cả nền sản xuất hiện đại đều là sự tác động của con người vào các yếu tố lực lượng tự nhiên nhằm thoả mãn những nhu cầu nào đó của con người. Nói một cách khác sản xuất luôn luôn là sự tác động qua lại của ba yếu tố cơ bản: sức lao động con người, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Đối tượng lao động là các vật thể mà lao động con người tác động vào để biến thành các sản phẩm mới phục vụ cho con người. Đối tượng lao động có thể có sẵn trong thiên nhiên, có thể là loại vật thể đã qua chế biến. Nhưng suy cho cùng cơ sở của mọi đối tượng lao động đều có nguồn khai thác từ đất đai và tài nguyên thiên nhiên. Tư liệu lao động (trừ đất là một tư liệu đặc biệt) đều là những tài sản do con người tạo ra để truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động thành các sản phẩm mới phục vụ con người. Đối tượng lao động và tư liệu lao động lại đều là tài sản quốc gia nói chung và tài sản nhà nước nói riêng. Như vậy, nói tư liệu lao động và đối tượng lao động là hai yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất vật chất cũng có nghĩa là tài sản quốc gia nói chung và TSC nói riêng là hai yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

#### 1.1.3.3. Tài sản nhà nước là nguồn vốn tiềm năng cho đầu tư phát triển

Đầu tư phát triển có vị trí quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế của mỗi quốc gia nhằm đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế- xã hội và để phát triển toàn diện vững chắc của nền kinh tế - xã hội. Nhờ đầu tư phát triển TSC được bảo tồn và phát triển và đương nhiên năng lực sản xuất tăng lên. Nhưng muốn đầu tư phát triển phải có vốn đầu tư, vốn đầu tư ở đây là đại diện của tài sản, hàng hoá và dịch vụ đưa vào sản xuất. Muốn có vốn cho đầu tư phát triển mọi quốc gia đều phải khai thác từ các nguồn tiết kiệm, nguồn nhân lực, nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn tài sản vô hình. Nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn tài sản vô hình chính là những tài sản quốc gia, trong đó tài sản nhà nước chiếm vai trò chủ yếu. Các tài sản này là những nguồn tài chính tiềm năng thể hiện dưới dạng hiện vật. Các tài sản này dưới tác động ngoại lực (sức lao động của con người) thì nó chuyển thành nguồn tài chính tiền tệ. Vì, nếu nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng, khai thác vào sản xuất kinh doanh một cách tiết kiệm và có hiệu quả, sẽ tạo điều kiện để phát triển sản xuất, đặc biệt là các ngành sản xuất nông lâm nghiệp và các ngành công nghiệp hoạt động dựa trên nguồn tài nguyên thiên nhiên. Như vậy, chính nguồn tài nguyên thiên nhiên đó là vốn để đầu tư phát triển sản xuất thay cho phần vốn mua nguyên liệu, nhiên liệu đưa vào sản xuất. Những nước giàu có về nguồn tài nguyên thiên nhiên, thì không chỉ đảm bảo sản xuất phát triển, mà còn có thể dành một phần tài nguyên thiên nhiên để bán, cho thuê, gọi vốn liên doanh, liên kết để khai thác tài nguyên. Nguồn tài nguyên đã tạo nguồn vốn tiền tệ để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển.

#### 1.1.3.4. Tài sản nhà nước đối với đời sống xã hội

Tài sản nhà nước được phân bố ở khắp mọi miền đất nước, là tài sản - cơ sở vật chất của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ sở giáo dục và đào tạo công, y tế công; các cơ sở văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao công; các cơ sở nghiên cứu và hoạt động khoa học công nghệ công...; các cơ sở hoạt động dịch vụ công, tài sản kết cấu hạ tầng (hệ thống giao thông, điện, bưu chính viễn thông, cấp thoát nước...), tài sản dùng vào sản xuất kinh doanh; do đó, TSC chẳng những có vai trò lớn đối với quá trình sản xuất xã hội mà còn có vai trò lớn góp phần cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội, của mọi thành viên trong xã hội trên các mặt cụ thể sau:

- Duy trì, phát triển các hoạt động của đời sống xã hội làm cho đời sống xã hội của con người ngày càng phong phú và văn minh hơn trong mọi hoạt động của mình.

- Cải thiện và không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho con người cả về mặt vật chất và tinh thần; Tài sản nhà nước ngày một phát triển và nâng cấp sẽ là điều kiện vật chất đảm bảo cho con người được hưởng lợi từ các hoạt động sự nghiệp công (giáo dục và đào tạo, khám chữa bệnh, thể dục thể thao, văn hoá nghệ thuật,...), các hoạt động quản lý nhà nước, các nhu cầu thiết yếu trong đời sống hàng ngày của con người: đi lại, giao lưu, sử dụng điện, nước,...

- Góp phần làm cho môi trường xã hội, môi trường sống ngày một tốt lên; nhất là trong điều kiện của một nền kinh tế phát triển, hội nhập, vận hành theo cơ chế thị trường, thì vấn đề bảo vệ và giữ gìn môi trường xã hội, môi trường sống cho con người ở mỗi quốc gia và toàn cầu đã và đang được cả nhân loại quan tâm; Tài sản nhà nước có vai trò hết sức quan trọng để bảo vệ và giữ gìn môi trường xã hội, môi trường sống.

#### *1.1.4 . Phân loại tài sản công*

##### 1.1.4.1. Phân loại theo thời hạn sử dụng

Theo cách phân loại này, TSC bao gồm các loại tài sản có thể sử dụng vĩnh viễn không mất đi như tài nguyên đất, tài nguyên nước, không khí... và các tài sản có thời hạn sử dụng nhất định như tài nguyên khoáng sản và các tài sản nhân tạo khác. Tuy nhiên, việc phân loại ra tài sản sử dụng vĩnh viễn và tài sản sử dụng có hạn chỉ là tương đối, vì ngay tài nguyên đất, nước, không khí, nếu không có biện pháp quản lý, sử dụng và bảo vệ hữu hiệu, thì sẽ bị xói mòn, cạn cỗi, cạn kiệt hoặc ô nhiễm ...

##### 1.1.4.2. Phân loại theo nguồn gốc hình thành

Theo cách phân loại này, TSC gồm tài nguyên thiên nhiên và tài sản nhân tạo.

Tài nguyên thiên nhiên là các loại tài sản do thiên nhiên ban tặng cho quốc gia và thuộc chủ quyền của quốc gia như: Đất, rừng tự nhiên, vùng trời, vùng biển, mặt nước, khoáng sản trong lòng đất, những danh lam thắng cảnh, không khí, môi trường ...

Tài sản nhân tạo là tất cả các tài sản do con người tạo lập ra và được duy trì qua các thế hệ như: Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình văn hoá, các công trình vật, nhà ở, nhà làm việc, nhà dùng vào sản xuất kinh doanh, phương tiện và thiết bị làm việc, thiết bị máy móc sản xuất, tài sản tài chính... Tài sản nhân tạo chủ yếu được hình thành từ nguồn tiền của NSNN và một phần là những tài sản mà Nhà nước thu nạp được như các tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước, tài sản hiến tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.



#### 1.1.4.3. Phân loại theo đối tượng quản lý, sử dụng tài sản

Theo cách phân loại này, tài sản nhà nước bao gồm:

- TSC khu vực hành chính sự nghiệp là những tài sản của nhà nước giao cho cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công (đơn vị sự nghiệp của Nhà nước), đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp (gọi chung là cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp) quản lý và sử dụng gồm:

+ Đất đai;

+ Nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai: trụ sở làm việc, nhà công vụ, nhà công thự, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

+ Các phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, cứu hoả và các tài sản khác.

- Tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia bao gồm:

+ Hệ thống công trình giao thông vận tải: đường bộ, đường thuỷ, đường hàng không, bến cảng, bến phà, bến xe, sân bay, nhà ga...

+ Hệ thống công trình thuỷ lợi: đê điều, hệ thống kênh mương, trạm bơm, hồ chứa nước, đập thuỷ lợi...

+ Hệ thống công trình điện, chiếu sáng, cấp, thoát nước, công viên...

+ Hệ thống công trình văn hoá, di tích lịch sử đã được xếp hạng.

+ Các công trình kết cấu hạ tầng khác.

- TSC giao cho các doanh nghiệp quản lý, sử dụng, bao gồm: nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vốn bằng tiền ...

- Tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật bao gồm:

+ Tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ Nhà nước;

+ Tài sản bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy, tài sản vắng chủ, vô chủ và các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Tài sản do các tổ chức biếu tặng, đóng góp hoặc giao lại Nhà nước và tài sản viện trợ của Chính phủ và tổ chức phi Chính phủ.

- Tài sản dự trữ quốc gia.

- Đất đai, rừng tự nhiên, núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi thủy sản, vùng trời, thềm lục địa (sau đây gọi chung là đất đai và các tài nguyên quốc gia khác).

## **1.2. Quản lý TSC trong cơ quan Nhà nước**

### *1.2.1. Khái niệm về quản lý tài sản nhà nước trong các cơ quan Nhà nước.*

Thuật ngữ “quản lý” được sử dụng khá phổ biến trong nhiều lĩnh vực như quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý tài chính .v.v... Theo giáo trình “Quản lý kinh tế” của Học viện Hậu cần “Quản lý là sự tác động có tổ chức, có định hướng của chủ thể lên các khách thể nhằm đạt được mục tiêu đã định trước” [29, tr 35].

Quản lý TSC là một bộ phận, một khâu của quản lý kinh tế. Thực chất của quản lý TSC là các chủ thể quản lý sử dụng các phương pháp, các công cụ tác động tới đối tượng quản lý nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định trong lĩnh vực quản lý TSC.

Theo giáo trình Tài chính dự toán của Học viện Hậu cần “Quản lý tài sản nhà nước có thể được hiểu là quá trình đưa ra quyết định và thực hiện liên quan đến việc đầu tư mua sắm, khai thác sử dụng và thanh lý tài sản nhà nước” [31, tr 125].

Xuất phát từ vai trò, chức năng của các cơ quan Nhà nước và đặc điểm của TSC, theo quan điểm của học viên: Quản lý TSC trong các CQNN là sự tác động có tổ chức và bằng các nguyên tắc, phương pháp thông qua khung khổ pháp lý của bộ máy nhà nước đối với TSC trong các CQNN nhằm bảo đảm TSC được đầu tư xây dựng mới, mua sắm, quản lý, sử dụng có hiệu quả. Như vậy quản lý TSC là hoạt động của các chủ thể được xác định theo quy định của pháp luật, thông qua việc sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý, được thực hiện từ khâu đầu tư mua sắm để hình thành TSC, đến quản lý khai thác sử dụng và thanh lý TSC, đáp ứng tốt mọi nhiệm vụ được giao. Chủ thể quản lý TSC trong các CQNN là các CQNN trong đó trực tiếp là người đứng đầu CQNN dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, vai trò tham mưu và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan quản lý công sản, cùng với sự tham gia của mọi tổ chức, cá nhân trong CQNN có liên quan đến sử dụng TSC.

### *1.2.2 Nguyên tắc quản lý tài sản nhà nước*

Tài sản nhà nước phong phú về chủng loại, mỗi loại có tính năng, công dụng khác nhau, được phân bổ ở khắp mọi miền đất nước, được giao cho các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phục vụ cho các hoạt động: quản lý nhà nước, giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, nghiên cứu khoa học, thể dục thể thao, quốc phòng, an ninh, ngoại giao... từ cấp cơ sở đến các hoạt động ở Trung ương. Do đó, việc quản lý tài sản nhà nước phải được tổ chức thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thống nhất về cơ chế, chính sách, chế độ quản lý; đồng thời phải có cơ chế, chính sách, chế độ quản lý, sử dụng đối với những tài sản có tính đặc thù riêng, đối với ngành, địa phương, tổ chức sử dụng tài sản phục vụ cho các hoạt động có tính

đặc thù riêng. Thống nhất quản lý trên cơ sở để đảm bảo cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản nhà nước phù hợp với đặc điểm thứ nhất và đặc điểm thứ hai của tài sản nhà nước. Nội dung của thống nhất quản lý là Chính phủ thống nhất quản lý tài sản nhà nước; Quốc hội, Chính phủ quy định cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản áp dụng chung cho mọi tài sản và quy định cơ chế, chính sách, chế độ quản lý cụ thể đối với những tài sản có giá trị lớn mà hầu hết cơ quan nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sự nghiệp công và các tổ chức khác được Nhà nước giao trực tiếp sử dụng (có thể gọi là những tài sản sử dụng phổ biến). Trên cơ sở cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản nhà nước do Quốc hội, Chính phủ quy định; các Bộ, ngành, địa phương quy định cơ chế, chính sách, chế độ quản lý đối với những tài sản có tính đặc thù riêng (có thể gọi là những tài sản có tính đặc thù)

- Thực hiện quản lý tài sản nhà nước theo tiêu chuẩn, định mức. Quản lý tài sản nhà nước theo tiêu chuẩn định mức để công tác quản lý tài sản nhà nước phù hợp với đặc điểm thứ nhất, thứ hai và thứ ba của tài sản nhà nước; đồng thời để thống nhất tiêu chuẩn, định mức sử dụng từng loại tài sản cho từng đối tượng sử dụng, tránh hiện tượng mạnh ai người đó trang bị tùy tiện theo ý muốn của mình, tùy thuộc vào khả năng vốn liếng (kinh phí) của đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản còn là thước đo đánh giá mức độ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài sản nhà nước của từng đơn vị; mặt khác, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản là cơ sở để thực hiện công tác quản lý, thực hiện sự kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước. Chính phủ hoặc Chính phủ phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với những tài sản có giá trị lớn được sử dụng phổ biến ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sự nghiệp công và các tổ chức khác. Trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đối với các tài sản sử dụng phổ biến, các Bộ, ngành, địa phương quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với những tài sản sử dụng có tính đặc thù.

- Thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước. Phân cấp quản lý tài sản nhà nước để đảm bảo việc quản lý tài sản nhà nước phù hợp với đặc điểm thứ ba của tài sản nhà nước; đồng thời cũng được xuất phát từ phân cấp trách nhiệm, quyền hạn quản lý kinh tế - xã hội giữa Quốc hội, Chính phủ với các cấp chính quyền địa phương, giữa Chính phủ với các Bộ, ngành về việc xây dựng cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản; về xây dựng và ban hành định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản; về quản lý tài sản nhà nước ...

- Quản lý tài sản nhà nước phải gắn với quản lý ngân sách nhà nước. Xuất phát từ “tài sản nhà nước là những tài sản được hình thành từ ngân sách nhà nước...” và mọi chi phí trong quá trình sử dụng tài sản đều do ngân sách nhà nước đảm bảo (trừ một số trường hợp cá biệt); do đó, việc quản lý tài sản nhà nước phải gắn với quản lý ngân sách nhà nước. Hay nói một cách khác, quản lý tài sản nhà nước là quản lý ngân sách nhà nước đã được chuyển hoá thành hiện vật - tài sản. Quản lý tài sản nhà nước phải gắn với quản lý ngân sách nhà nước có nghĩa là mọi cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản nhà nước, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản nhà nước phải phù hợp với quy định về quản lý ngân sách nhà nước, việc trang bị tài sản nhà nước cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức khác phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và được lập dự toán, chấp hành dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

### *1.2.3. Các công cụ quản lý tài sản nhà nước*

Nhà nước phải thực hiện chức năng, vai trò quản lý TSC; cũng như các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác, để thực hiện vai trò quản lý của Nhà nước đối với TSC, Nhà nước phải sử dụng tổng hợp hệ thống các công cụ và biện pháp quản lý gồm: hành chính, tổ chức, pháp luật kinh tế, kế toán, thống kê, tuyên truyền giáo dục. Trong đó, những công cụ và biện pháp chủ yếu gồm:

**Thứ nhất,** Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật về quản lý tài sản nhà nước. Nhà nước thực hiện quản lý xã hội bằng luật pháp. Luật pháp vừa là công cụ vừa là biện pháp nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Pháp luật do Nhà nước quy định, buộc mọi cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản nhà nước theo ý chí của Nhà nước - người chủ sở hữu tài sản nhà nước. Pháp luật quy định phạm vi tài sản nhà nước, các nguyên tắc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản nhà nước buộc mọi người sử dụng tài sản và cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước đều phải tuân thủ. Quản lý TSC theo pháp luật được thực hiện ở hầu hết các nước trên thế giới. Ở nhiều nước thường có các Bộ Luật về tài sản quốc gia (Tài sản nhà nước), đồng thời có các luật quản lý chuyên ngành (tài sản cụ thể) như Luật Đất đai, Luật Khoáng sản ... Ở Việt Nam, tuy chưa có Bộ luật chung về tài sản nhà nước, nhưng trong Hiến pháp và Bộ luật dân sự đã định ra những nguyên tắc cơ bản về quản lý tài sản nhà nước như phạm vi của tài sản nhà nước, nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà nước

- Người đại diện chủ sở hữu và các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế được sử dụng tài sản nhà nước. Đồng thời, cũng đã có các luật áp dụng cho từng loại tài sản nhà nước như Luật Đất đai, Luật Khoáng sản,

Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Dầu khí, Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.v.v... Các luật về tài sản nhà nước không những là công cụ quan trọng để thực hiện vai trò quản lý của nhà nước đối với tài sản mà còn thực hiện vai trò chủ sở hữu tài sản nhà nước của Nhà nước.

**Thứ hai,** Hệ thống định mức sử dụng TSC trong các CQNN

Trên cơ sở luật quản lý, sử dụng TSC, các cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp xây dựng và ban hành định mức sử dụng TSC bao gồm định mức sử dụng PTVT, trụ sở làm việc và các tài sản khác. Định mức là cơ sở để đầu tư mua sắm, cấp phát và trang bị TSC cho các đơn vị và cá nhân làm việc trong các cơ quan nhà nước. Hệ thống định mức hiện đang được áp dụng trong quản lý và sử dụng TSC bao gồm:

Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp

Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

**Thứ ba,** Sử dụng hệ thống các công cụ đòn bẩy kinh tế để quản lý tài sản nhà nước, bao gồm: kế hoạch hoá, kế toán, thống kê, giá cả, tài chính, thuế, tín dụng... Trong đó, công cụ và biện pháp tài chính có vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển tài sản nhà nước, khai thác, sử dụng tài sản nhà

nước tiết kiệm và có hiệu quả, đặc biệt là công cụ ngân sách, kế toán, định giá và đánh giá lại tài sản.

**Thứ tư,** Sử dụng công cụ kiểm tra, kiểm soát thường xuyên. Kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước cũng được thực hiện đối với các ngành, các cấp là cơ quan chủ quản cấp trên của đơn vị được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước là công cụ hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời kiểm tra, kiểm soát để phát hiện, ngăn chặn các hiện tượng sử dụng tài sản nhà nước không đúng quy định của pháp luật, sử dụng tài sản lãng phí, làm thất thoát tài sản hoặc có hành vi tham ô tài sản nhà nước. Qua thực hiện kiểm tra, kiểm soát, cơ quan nhà nước thực hiện sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, chế độ quản lý tài sản nhà nước cho phù hợp với hệ thống chính sách của Nhà nước, nhất là chính sách tài chính – ngân sách và phù hợp với thực tế. Trên những ý nghĩa đó, kiểm tra, kiểm soát là công cụ hiệu quả góp phần tăng cường công tác quản lý tài sản nhà nước.

#### *1.2.4. Nội dung quản lý tài sản công trong các cơ quan Nhà nước*

Nội dung cụ thể về quản lý TSC trong các cơ quan Nhà nước có thể không giống nhau, do chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan khác nhau, đặc điểm hình thành tài sản và yêu cầu quản lý TSC trong cơ quan cũng khác nhau. Song, căn cứ vào các quy định pháp lý của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, các Nghị định có liên quan của Chính phủ và thực tiễn quản lý nội dung cơ bản về quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước bao gồm:

##### *1.2.4.1. Quản lý quá trình hình thành tài sản.*

Quá trình hình thành tài sản công trong các cơ quan Nhà nước là việc Nhà nước thực hiện việc đầu tư, mua sắm và trang cấp tài sản công cho các đơn vị.

##### *a. Nguyên tắc đầu tư, mua sắm, trang cấp*

- Nhà nước từng bước trang cấp đủ tài sản cho các cơ quan Nhà nước để phục vụ hoạt động chung và công tác chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Việc trang cấp tài sản cho các CQNN được thực hiện căn cứ vào tổ chức biên chế, tiêu chuẩn định mức sử dụng Tài sản công, nhu cầu sử dụng tài sản phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao của từng CQNN, khả năng ngân sách của mỗi cấp, nguồn kinh phí được phép sử dụng của mỗi cơ quan và nguồn tài sản từ các dự án hoặc đơn vị khác mà Nhà nước có thể xử lý điều chuyển đến cho CQNN.

b. Nguồn kinh phí và hình thức đầu tư, mua sắm, trang cấp

- Kinh phí do NSNN cấp hàng năm cho CQNN để đầu tư xây dựng, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản.

- Nguồn thu từ bán, chuyên nhượng, thanh lý tài sản của cơ quan theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nguồn thu khác mà CQNN được phép sử dụng để đầu tư xây dựng, cải tạo, mua sắm mới tài sản theo quy định của pháp luật.

- Nguồn vốn viện trợ, dự án thuộc Nhà nước quản lý cấp cho CQNN để đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản.

Theo các nguồn kinh phí, tài sản công trong các CQNN được trang cấp dưới các hình thức sau:

- Được cấp phát kinh phí từ NSNN thuộc chỉ tiêu dự toán ngân sách được giao.

- Được cấp phát bằng tài sản hiện vật.

- Được phép sử dụng nguồn tài chính khác ngoài NSNN theo quy định của pháp luật, như: Nguồn thu được từ xử lý tài sản, tiếp nhận viện trợ, biếu tặng...

- Được nhận tài sản công do Nhà nước điều chuyển từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

c. Thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm, trang cấp.

- Căn cứ vào quy mô, tính chất của dự án đầu tư và khả năng quản lý, thực hiện dự án, Nhà nước quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho các cơ quan Nhà nước.

- Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập mới hoặc giao cho tổ chức hiện có làm chủ đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan thuộc Trung ương quản lý. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập mới hoặc giao cho tổ chức thực hiện có làm chủ đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các CQNN thuộc địa phương quản lý.

Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định một trong hai phương thức đầu tư xây dựng sau:

+ Giao cho tổ chức có chức năng đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.

+ Giao ngân sách cho CQNN trực tiếp sử dụng trụ sở làm việc thực hiện đầu tư xây dựng.

Thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các CQNN phải theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

-Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công được quy định như sau:

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu cơ quan khác ở Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm Tài sản công tại cơ quan Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại CQNN thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Việc mua sắm tài sản công được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

+ Mua sắm tập trung: áp dụng đối với các loại tài sản có số lượng mua sắm nhiều, tổng giá trị mua sắm lớn và có yêu cầu được trang bị đồng bộ, hiện đại. Danh mục tài sản mua sắm tập trung do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương, chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

+ CQNN được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện mua sắm; Thủ trưởng cơ quan Nhà nước quyết định kế hoạch và danh mục tài sản và chỉ đạo thực hiện mua sắm theo chế độ quy định.

1.2.4.2. Quản lý quá trình sử dụng tài sản công trong các CQNN.

a. Đăng ký tài sản công

Mọi tài sản công trong các CQNN dù được hình thành từ bất cứ nguồn nào trước khi đưa vào sử dụng hoặc các loại tài sản chưa thực hiện kê khai đăng ký lần đầu đều phải tiến hành đăng ký kê khai lần đầu để phục vụ cho công tác quản lý, hạch toán kế toán tài sản cố định. Trong kê khai đăng ký lần đầu tài sản cần thực hiện đúng các nội dung sau:

- Xác định số lượng, chất lượng tài sản: Căn cứ vào các hồ sơ có liên quan, tùy từng trường hợp cụ thể mà bộ phận kiểm kê hoặc hội đồng định giá tài sản kiểm tra, đánh giá xác định số lượng, chất lượng tài sản.

- Phân loại tài sản: thông thường ở các CQNN, tài sản công được xếp vào các loại: Tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng và tài sản phục vụ công tác quản lý. Tuy nhiên, về nguyên tắc, tài sản đặc biệt trong CQNN, đơn vị lực lượng vũ trang không kê khai đăng ký, phân loại. Căn cứ vào số lượng, chất lượng, tài sản, CQNN tiến hành phân loại tài sản chuyên dùng và tài sản phục vụ công tác quản lý (bao gồm cả quyền sử dụng đất).

- Xác định nguồn hình thành tài sản: Tài sản công được hình thành từ nguồn nào (nguồn NSNN hoặc có nguồn gốc từ NSNN, nguồn khác theo quy định) thì kê khai vào đúng nguồn đó.

- Xác định giá trị tài sản: Trước khi xác định giá trị tài sản cần phân biệt rõ tài sản có hồ sơ và tài sản không có hồ sơ. Riêng đối với tài sản không có hồ sơ,



phải lập biên bản định giá tài sản cố định trình thủ trưởng cơ quan quyết định. Việc xác định giá trị tài sản phải theo đúng nguyên tắc quy định.

- Kê khai tài sản lần đầu: Mọi tài sản cố định được lập thẻ tài sản cố định và hồ sơ kê khai tài sản cố định có các chứng từ liên quan theo quy định, tùy theo nguồn hình thành tài sản.

- Hạch toán kế toán: Cần chú ý nguyên tắc tài sản cố định được hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời cả về số lượng và giá trị theo đúng quy định của pháp luật về kế toán - thống kê.

#### b. Bảo dưỡng, sửa chữa, lập và quản lý hồ sơ tài sản công

- Tài sản công phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thực hiện theo Luật NSNN.

Các chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế – kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa Tài sản công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ quản lý chuyên hệ thống do Bộ quản lý chuyên hệ thống quy định. Các trường hợp khác do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định hoặc phân cấp cho cơ quan được giao quản lý, sử dụng Tài sản công quy định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc phạm vi quản lý.

- Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, hồ sơ tài sản công gồm:

+ Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản công theo quy định của pháp luật.

+ Báo cáo kê khai tài sản công theo quy định.

+ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

+ Cơ sở dữ liệu về tài sản công.

+ Quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản công.

Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải quản lý, lưu trữ đầy đủ các hồ sơ về tài sản do cơ quan mình quản lý, sử dụng. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, lưu trữ các hồ sơ tài sản công sau:

+ Báo cáo kê khai Tài sản công, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Tài sản công của các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

+ Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng Tài sản công của các cơ quan Nhà nước của Bộ, cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Cơ sở dữ liệu về Tài sản công của Bộ, cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Bộ Tài chính quản lý, lưu giữ các hồ sơ tài sản công sau đây:

+ Báo cáo kê khai tài sản công là trụ sở làm việc, xe ô tô của các Bộ, cơ quan Trung ương.

+ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

#### 1.2.4.3. Quản lý quá trình kết thúc tài sản

##### a. Thu hồi tài sản công:

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định có liên quan của Chính phủ quy định các trường hợp thu hồi tài sản công và thẩm quyền thu hồi tài sản công nói chung, trong các cơ quan Nhà nước nói riêng.

Trong quá trình quản lý tài sản công, cần lưu ý quản lý chặt chẽ trình tự, thu hồi tài sản công như sau:

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thu hồi tài sản của CQNN có thẩm quyền, CQNN được giao quản lý, sử dụng tài sản công bị thu hồi phải thực hiện chuyển giao đầy đủ tài sản công bị thu hồi theo quy định.

+ Trách nhiệm tổ chức thực hiện thu hồi tài sản công.

+ Bộ Tài chính tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi ủy quyền của Nhà nước và Chính phủ.

+ Bộ, cơ quan Trung ương tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý, thu hồi.

+ Cơ quan tài chính địa phương tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi địa phương quản lý, thu hồi.

##### b. Điều chuyển tài sản công

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định có liên quan của Chính phủ quy định các trường hợp điều chuyển và thẩm quyền điều chuyển tài sản công. Cơ quan tài chính, cơ quan quản lý công sản và các cơ quan chức năng khác có liên quan cần tập trung quản lý trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công ở các nội dung sau đây:

Cơ quan Nhà nước có tài sản cần điều chuyển phải lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi CQNN có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị điều chuyển gồm:

+ Công văn đề nghị điều chuyển tài sản công (của cơ quan có tài sản).

+ Công văn đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan nhận tài sản.

- + Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.
- + Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển tài sản.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định điều chuyển tài sản công, CQNN có tài sản điều chuyển và nhận tài sản điều chuyển thực hiện đúng quy định về bàn giao, tiếp nhận tài sản, hạch toán giám, tăng tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản. Trường hợp điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất thì cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ về quyền sử dụng đất.

#### c. Bán tài sản công

- Các trường hợp bán tài sản công trong cơ quan Nhà nước:

+ Cơ quan Nhà nước được giao quản lý, sử dụng không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức, chức năng nhiệm vụ và các nguyên nhân khác mà không xử lý theo phương thức thu hồi, điều chuyển tài sản.

+ Quá trình sử dụng Tài sản công không có kết quả.

+ Cơ quan Nhà nước thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản công trong cơ quan mình theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Thẩm quyền quyết định bán tài sản công:

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bán trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các CQNN thuộc Trung ương quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương.

+ Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất của các CQNN thuộc phạm vi quản lý.

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định bán Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Riêng việc bán tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) giao Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

- Phương thức bán tài sản công: Mọi trường hợp bán tài sản công đều phải tuân theo các phương thức quy định sau:

+ Đấu giá công khai

+ Bán chỉ định

Cần quản lý chặt chẽ việc chấp hành các quy định về xác định giá khởi điểm, giá bán, hồ sơ đề nghị bán Tài sản công, quyết định bán Tài sản công của cơ quan

có thẩm quyền và các quy định về trình tự, thủ tục bán tài sản công, hạch toán giảm tài sản công và báo cáo kê khai biến động tài sản công.

Đặc biệt, phải quản lý chặt chẽ tiền thu được từ bán tài sản công, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, được nộp vào NSNN theo Luật Ngân sách Nhà nước. Các chi phí hợp lý đó là: chi phí kiểm kê tài sản, đo vẽ nhà, đất; chi phí định giá và thẩm định giá tài sản, chi phí tổ chức bán đấu giá, các chi phí hợp lý khác có liên quan.

Trường hợp CQNN có dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được phép sử dụng số tiền thu được (sau khi trừ chi phí hợp lý) được để lại để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

#### d. Thanh lý tài sản công

- Theo quy định, các trường hợp sau đây CQNN được phép thanh lý tài sản công:

+ Tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo chế độ quy định mà không thể tiếp tục sử dụng.

+ Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả.

+ Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cấp có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư hoặc theo quy hoạch của Nhà nước.

- Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công.

+ Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

+ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý Tài sản công của các cơ quan Nhà nước thuộc địa phương quản lý.

- Cơ quan tài chính, cơ quan quản lý công sản và các cơ quan chức năng liên quan cần quản lý chặt chẽ, kiểm tra giám sát bảo đảm việc chấp hành đúng trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công và quy định về quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản công. Riêng việc tổ chức thanh lý tài sản công theo 2 phương thức: bán và phá dỡ, hủy bỏ, cần coi trọng quản lý một số vấn đề quan trọng sau:

+ Xác định giá khởi điểm và tổ chức bán đấu giá tài sản thanh lý, xác định giá bán và tổ chức bán chỉ định tài sản thanh lý theo đúng quy định.

+ Nếu tổ chức thanh lý tài sản công theo phương thức phá dỡ, hủy bỏ: Trường hợp phá dỡ trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá (theo sổ kế toán) từ 1 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thì phải đấu thầu hoặc đấu giá thanh lý theo quy định.

+ Nếu tổ chức thanh lý tài sản công theo phương thức bán chỉ định (ngoài bán đấu giá) chỉ áp dụng trường hợp tài sản công đã hết giá trị còn lại theo sổ kế toán. Riêng tài sản là nhà và tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản phải đánh giá lại, nếu giá trị còn lại (theo đánh giá lại) dưới 50 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thì được bán chỉ định. Hoặc trường hợp đã hết thời hạn đã ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có 1 tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản công và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

### **1.3. Đánh giá kết quả quản lý tài sản công trong các cơ quan nhà nước**

#### *1.3.1 Đặc điểm đặc thù của việc quản lý tài sản công trong các cơ quan nhà nước*

Nhà nước là một chủ thể đặc biệt của xã hội, là người đại diện cho tất cả các thành viên trong cộng đồng, do đó nhà nước có chủ quyền đối với tài sản quốc gia, là người đại diện chủ sở hữu TSC. Với vai trò là đại diện chủ sở hữu đối với TSC, Nhà nước có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Tài sản dù của bất kỳ ai quản lý từ cá nhân, tổ chức hay nhà nước đều phải tính toán quản lý sao cho tiết kiệm và có hiệu quả kinh tế xã hội là cao nhất. Tuy nhiên việc đánh giá kết quả và hiệu quả quản lý TSC trong CQNN lại vô cùng khó khăn bởi các lý do sau:

**Thứ nhất**, Nhà nước là chủ sở hữu mọi TSC nhưng lại không phải là người trực tiếp sử dụng. Nói một cách khác quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng tài sản chưa hoàn toàn gắn với nhau. Nhà nước giao TSC cho các cơ quan nhà nước và các cơ quan quyền lực nhà nước, các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan xét xử...v.v sử dụng nhằm thực hiện nghĩa vụ nhà nước giao. Để nâng cao hiệu quả sử dụng TSC một mặt để thực hiện vai trò chủ sở hữu của mình, Nhà nước phải thực hiện và phát huy chức năng quản lý nhà nước đối với TSC và sử dụng TSC theo đúng quy định của Pháp luật, đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả nhằm phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, môi sinh, hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao. Mặt khác Nhà nước phải thực hiện vai trò kiểm tra, kiểm soát các quá trình hình thành, khai thác và xử lý TSC. Nói cách khác, người được giao trực tiếp quản lý TSC phải thực hiện theo ý chí của Nhà nước- Người đại diện chủ sở hữu TSC.

**Thứ hai**, Do đặc điểm riêng của TSC là do tổ chức cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản không phải là người có quyền sở hữu tài sản; TSC được phân bổ ở khắp mọi miền đất nước, được giao cho các cấp, các ngành, các tổ chức cá nhân

trực tiếp sử dụng, do đó nếu không đánh giá kết quả quản lý TSC theo một chế độ thống nhất sẽ dẫn đến việc tùy tiện, mạnh ai người đó làm, dẫn đến mua sắm, sửa chữa, điều chuyển, thanh lý, nhất là việc sử dụng tài sản không đúng mục tiêu giao, và sử dụng quá tiêu chuẩn định mức...v.v. dẫn đến lãng phí và thất thoát nguồn lực tài chính từ TSC.

**Thứ ba**, do tàn dư của cơ chế quản lý TSC trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung là quản lý bằng hiện vật, ít quan tâm đến giá trị, chưa quan tâm đến hiệu quả sử dụng TSC theo kết quả đầu ra nên việc quản lý TSC hiện nay vẫn chưa đi vào nền nếp theo các quy định của pháp luật. Hướng tới hiệu quả quản lý TSC phải được đánh giá bằng kết quả đầu ra. Theo đó chi phí cho các CQNN bao gồm: Chi thường xuyên, chi đầu tư ..trong đó có chi phí về TSC được xem là yếu tố đầu vào và đầu ra là hàng hóa dịch vụ công mà các cơ quan nhà nước cung cấp cho nền kinh tế. Đây là nhiệm vụ khó khăn nhưng các nước tiên tiến đã làm và Việt Nam trong tương lai gần cũng không là ngoại lệ. Vì vậy ngay từ bây giờ việc sử dụng TSC tại các cơ quan nhà nước cũng phải tính toán hiệu quả.

### *1.3.2. Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý tài sản công*

#### *1.3.2.1. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản công*

- Hiệu quả kinh tế xã hội mà việc sử dụng tài sản công mang lại. Những lợi ích mà nền kinh tế thu được như việc đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, phục vụ việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước.

- Sự phù hợp của việc đầu tư mua sắm tài sản công trong các CQNN so với chức năng của đơn vị. Chỉ tiêu này được làm rõ hơn thông qua việc trả lời các câu hỏi: Đơn vị có cần tài sản này không? Tại sao đơn vị lại cần nó, cách thức sử dụng nó ra sao để mang lại hiệu quả nhất.

- Tác động của việc sử dụng tài sản công đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Sự tác động này được đánh giá qua việc trả lời câu hỏi: Tài sản được đầu tư ảnh hưởng như thế nào đến việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị? Việc đầu tư như vậy có hiệu quả không?...v.v.

- Tác động của việc đầu tư mua sắm tài sản công tại các cơ quan nhà nước có ảnh hưởng như thế nào tới dân cư, những người được hưởng lợi từ dịch vụ công do cơ quan nhà nước mang lại cho họ.

### 1.3.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý tài sản công

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đầu tư mua sắm trong kỳ

$$H_{HTKH} = Q_1 / Q_K \text{ (lần, \%)}$$

Trong đó:  $H_{HTKH}$  là tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đầu tư mua sắm trong kỳ

$Q_1$ : tổng kinh phí thực tế mua sắm

$Q_K$  : tổng kinh phí kế hoạch mua sắm

Chỉ tiêu này đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch mua sắm trong kỳ của đơn vị. Có thể tính cho từng loại hoặc tổng số tài sản công mua sắm trong kỳ.

- Tỷ lệ % dự toán ngân sách so với ngân sách nhà nước thực tế cấp trong năm

$$HT = Q_1 / Q_K \text{ (lần, \%)}$$

Trong đó: HT là tỷ lệ % số ngân sách được cấp so với dự toán đơn vị lập

$Q_1$  là số ngân sách thực tế cấp trong năm

$Q_K$  là số ngân sách trong dự toán ngân sách đơn vị lập

Chỉ tiêu này phản ánh việc thực hiện dự toán ngân sách về mua sắm tài sản, đồng thời phản ánh chất lượng công tác lập dự toán ngân sách của đơn vị.

Có thể thay  $Q_K = Q_0$  là số ngân sách được cấp của năm so sánh để tính tốc độ phát triển về việc đầu tư mua sắm qua một thời kỳ.

- Tỷ trọng phân cấp mua sắm:

$$D_{PC} = Q_{ĐVM} / Q_{MS} \text{ (lần, \%)}$$

Trong đó:  $D_{PC}$  là tỷ trọng phân cấp mua sắm cho đơn vị

$Q_{ĐVM}$  là giá trị tài sản do đơn vị mua sắm

$Q_{MS}$  là tổng giá trị tài sản mua sắm trong kỳ

Chỉ tiêu này phản ánh tình hình thực hiện quy định của nhà nước về mua sắm tập trung.

- Hệ số sử dụng tài sản công

$$H_{SD} = Q_{SD} / Q \text{ (lần, \%)}$$

Trong đó:  $H_{SD}$  là hệ số sử dụng tài sản công

$Q_{SD}$  là giá trị tài sản công được sử dụng trong đơn vị

$Q$  là tổng giá trị tài sản công do đơn vị quản lý

Chỉ tiêu này phản ánh tình hình sử dụng tài sản công do đơn vị quản lý. Phân tích chỉ tiêu này cho phép đánh giá cả khâu sử dụng và khâu mua sắm tài sản. Có những loại không cần thiết nhưng vẫn mua sắm, có loại không cần dùng nhưng không điều chuyển,...

- Tỷ lệ tài sản thanh lý, điều chuyển

Tỷ lệ % tài sản thanh lý, điều chuyển = Số tài sản thanh lý, điều chuyển / Tổng số tài sản không sử dụng (lần, %)

Chỉ tiêu này phản ánh công tác xử lý tài sản không sử dụng tại cơ quan nhằm thu hồi giá trị tài sản đã đến niên hạn thanh lý, chuyển tài sản đơn vị không cần dùng cho đơn vị khác có nhu cầu nhằm sử dụng tốt nhất năng lực tài sản công.

### *1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý TSC trong cơ quan nhà nước*

Việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả, hiệu lực của cơ quan quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước là vấn đề cần thiết để lựa chọn những phương thức, cách thức và xác định các nguyên tắc, điều kiện vận hành phù hợp với các quy luật khách quan. Xuất phát từ thực tế quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước, theo quan điểm của học viên, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hiệu lực của quản lý TSC trong cơ quan nhà nước bao gồm:

#### *a, Nhóm các nhân tố thuộc hệ thống quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước:*

- Sự phù hợp của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chế độ, quản lý TSC trong cơ quan nhà nước.

Trong hệ thống quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước thì các yếu tố pháp luật (hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chế độ, quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước) phản ánh hiệu lực, hiệu quả quản lý thường rõ nét nhất. Trong điều kiện chuyển cơ chế quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang quản lý theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nếu có một hệ thống chính sách, chế độ, quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước hợp lý, sát với thực tiễn sẽ là tiền đề thuận lợi để quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất hiện tượng tham ô, tham nhũng, lãng phí, thất thoát tsnn đang xảy ra phổ biến trong xã hội. Mặt khác, quá trình quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước thu được hiệu quả nhiều hay ít cũng phần lớn phụ thuộc vào tính hợp lý, thông thoáng của chính sách. Ngược lại tính không đồng bộ, thiếu nhất quán sẽ gây cản trở lớn đến hiệu lực và hiệu quả quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước. Vì vậy, việc hoạch định các chính sách quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước phải được tiến hành một cách thận trọng, kịp thời với chất lượng cao để soạn thảo ra các chính sách sát với thực tế, sớm đi vào đời sống xã hội phục vụ tốt nhất quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Năng lực của cán bộ công chức làm công tác quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước: Công tác quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước do đội ngũ cán



bộ công chức làm công tác quản lý TSC hoạch định và thực thi. Do đó hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý TSC trong các CQNN phụ thuộc vào năng lực của cán bộ, công chức làm công tác quản lý TSC trong các CQNN trong việc thực hiện đúng vai trò, chức năng trong xây dựng, vận hành và chấp hành đúng công tác quản lý. Cán bộ, công chức là công tác quản lý TSC có nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của TSC trong các CQNN, có trình độ chuyên môn chắc, có phẩm chất đạo đức tốt (có tâm và có tầm) sẽ giúp quá trình quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước thu được hiệu quả.

b, Nhóm các nhân tố thuộc đối tượng quản lý

Đối tượng của hệ thống quản lý TSC trong CQNN đó là: cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các cán bộ công chức trực tiếp quản lý, sử dụng TSC. Đây là một hệ thống cực kỳ phức tạp với trình độ, năng lực, phẩm chất, yêu cầu và cách ứng xử khác nhau và do đó các phản ứng với các quyết định quản lý, sử dụng tài sản cũng quyết định tới hành vi ứng xử đối với các quyết định quản lý. Nếu ý thức tuân thủ pháp luật và chính sách của cán bộ công chức trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản được nâng cao thì sẽ góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả cơ chế quản lý TSC trong CQNN. Tuy nhiên, trình độ hóa theo nghĩa rộng nhất là văn hóa pháp luật không phải tự nhiên mà có, nó bắt nguồn từ truyền thống dân tộc, sự phấn đấu rèn luyện của mỗi người không thể thiếu sự thuyết phục, giáo dục quản lý của hệ thống chính trị trong đó có nhà nước.

c, Nhóm các nhân tố khách quan nằm ngoài hai nhóm nhân tố nói trên:

Đó là những yếu tố bất thường như thiên tai, dịch họa hoặc các nhân tố quốc tế...

Trong thực tế, nền kinh tế luôn luôn biến động và chịu sự tác động của nhiều các nhân tố khách quan nằm ngoài ý muốn của chủ thể quản lý. Trong điều kiện thiên tai thì việc chống đỡ với thiên nhiên là trên hết, còn việc tuân thủ pháp luật, chấp hành cơ chế chính sách của Nhà nước có thể không được quan tâm nhiều và như vậy hiệu lực của công tác quản lý có nguy cơ bị giảm. Trường hợp có chiến tranh hoặc bất ổn về chính trị đều ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, quốc tế hóa thì hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý TSC trong CQNN trên cơ sở cơ chế quản lý cũ sẽ giảm, thậm chí mất hiệu lực. Nếu không muốn điều đó thì chúng ta buộc phải cải tổ lại hệ thống luật pháp, chính sách cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Như vậy điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý cả về tư duy, nhận thức và thực tiễn vận hành quản lý.

## **1.4. Kinh nghiệm quản lý tài sản công ở các quốc gia trên thế giới**

### *1.4.1. Kinh nghiệm của một số nước có nền tài chính công phát triển*

#### **\* Quản lý tài sản công tại Cộng hoà Pháp**

Ở Pháp, tài sản công là toàn bộ các tài sản dưới hình thái động sản và bất động sản của Nhà nước trung ương và chính quyền địa phương các cấp. Tài sản công được chia thành tài sản chung của Nhà nước và tài sản riêng của từng CQNN.

- Tài sản chung của Nhà nước: là tất cả các loại tài sản dưới dạng động sản và bất động sản thuộc về nhà nước và không thuộc quyền sở hữu tư nhân do tính chất của chúng hay chức năng sử dụng của chúng như: tài sản công có thuộc tính tự nhiên (tài nguyên thiên nhiên, sông hồ, vùng biển, vùng trời...); tài sản công có thuộc tính nhân tạo (cơ sở hạ tầng, đường xá, cầu cảng, hệ thống phân phối điện, nhà máy điện nguyên tử, các công trình tôn giáo, văn hoá, công trình công cộng...).

- Tài sản riêng của từng cơ quan nhà nước: là các tài sản được giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng. Nhóm tài sản công này bao gồm các tài sản thuộc quyền của từng cơ quan, tổ chức nhà nước và họ toàn quyền sử dụng như một chủ sở hữu tư nhân, đồng thời chịu trách nhiệm về tài sản, cũng như hưởng lợi từ tài sản, theo thẩm quyền quản lý của mình.

Theo luật pháp của Pháp, cơ quan quản lý công sản là cơ quan duy nhất ở Pháp được trao thẩm quyền bán các loại tài sản sau:

- Tài sản công không còn dùng được nữa.
- Tài sản do toà án chuyển sang để phát mãi sung công.
- Tài sản vô thừa nhận, tài sản vô chủ, vắng chủ, được xác lập thuộc sở hữu Nhà nước.
- Tài sản bị tịch thu.

Ngoài ra các đơn vị cũng có thể yêu cầu cơ quan công sản bán các động sản không còn nhu cầu sử dụng của họ hoặc nhờ bán các sản phẩm sản xuất thừa...

Cơ quan công sản áp dụng một số phương thức bán tài sản như bán theo thoả thuận, bán chỉ định, bán theo hình thức gọi thầu..., nhưng cơ bản nhất là hình thức bán đấu giá công khai.

#### **\* Quản lý tài sản nhà nước tại Trung Quốc.**

Năm 2003, Trung Quốc đã thành lập Bộ Quản lý tài sản quốc gia thuộc Chính phủ. Bộ này được giao nhiều nhiệm vụ quan trọng, trong đó có nhiệm vụ là đại diện quyền sở hữu tài sản công tại tất cả các CQHCSN nhằm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của tài sản công tại các cơ quan này, đồng thời ngăn chặn mọi trường

hợp hư hao, tổn thất mất mát tài sản bằng các biện pháp hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Ở Trung Quốc, tài sản công tại các CQHCSN là tổng hợp các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước và được quy thành tiền, được Nhà nước giao cho các cơ quan hành chính sự nghiệp quản lý và sử dụng.

Nội dung chủ yếu của quản lý tài sản công trong các cơ quan hành chính sự nghiệp của Trung Quốc là: xây dựng và kiện toàn các loại điều lệ, chế độ sử dụng tài sản công; thực hiện quyền quản lý của chủ sở hữu tài sản một cách hợp lý; khuyến khích sử dụng tài sản một cách tiết kiệm và có hiệu quả; thực hiện chế độ sử dụng hoàn trả đối với tài sản kinh doanh trong các cơ quan hành chính sự nghiệp; giám sát việc bảo toàn vốn và phát triển vốn đối với tài sản kinh doanh trong các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Nhà nước quản lý mọi tài sản trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, giữ vững nguyên tắc tách biệt giữa quyền sở hữu với quyền sử dụng, thực hiện chế độ quản lý nhà nước theo cách Nhà nước nắm quyền sở hữu thống nhất, chính quyền giám sát và quản lý theo từng cấp và đơn vị được quyền chiếm hữu và sử dụng tài sản công một cách phù hợp theo chế độ phân cấp.

Ở Trung Quốc còn có riêng một quy định về việc chuyển tài sản công từ không kinh doanh sang kinh doanh. Tài sản không kinh doanh là loại tài sản do cơ quan hành chính sự nghiệp chiếm hữu và sử dụng để hoàn thành nhiệm vụ hành chính của Nhà nước và triển khai hoạt động nghiệp vụ. Tài sản kinh doanh là loại tài sản của cơ quan hành chính sự nghiệp sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định chính sách của Nhà nước, với điều kiện đảm bảo hoàn thành công tác bình thường của đơn vị.

Cơ quan quản lý tài sản công các cấp có thẩm quyền giám sát, kiểm tra hiệu quả kinh tế, tình hình chia lời của tài sản không kinh doanh chuyển thành tài sản kinh doanh của đơn vị, kịp thời xử lý những vấn đề còn vướng mắc.

#### ***\* Quản lý tài sản nhà nước tại Canada.***

Ở Canada, trước năm 1994, việc quản lý, sử dụng tài sản công là bất động sản (nhà đất) và phương tiện giao thông trong các cơ quan hành chính sự nghiệp được giao trực tiếp cho các bộ, ngành, cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng. Từ cuối năm 1994, Chính phủ Canada thực hiện đổi mới công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và phương tiện giao thông của các cơ quan nhà nước theo cách không

giao cho các cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý tài sản, Chính phủ thành lập một số cơ quan sau đây thay mặt Chính phủ quản lý tài sản công:

+ Công ty (hãng) bất động sản: Đây là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Chính phủ có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhà đất, văn phòng và nhà chuyên dùng.

+ Trung tâm quản lý thiết bị vận tải có nhiệm vụ quản lý xe ô tô của các cơ quan Chính phủ và cho các cơ quan Chính phủ thuê theo hợp đồng kinh tế.

- Các Bộ, ngành, cơ quan nhà nước, cơ quan hành chính sự nghiệp chỉ được thuê trụ sở làm việc, phương tiện đi lại theo tiêu chuẩn, định mức hoặc theo yêu cầu, nhiệm vụ được giao và phải sử dụng tài sản theo đúng mục đích. Quan hệ này được thực hiện theo hợp đồng thuê tài sản. Các đơn vị phải thuê trụ sở làm việc của công ty quản lý bất động sản song không nhất thiết phải thuê phương tiện vận tải của trung tâm để sử dụng. Khi các cơ quan có sự thay đổi về nhu cầu sử dụng diện tích làm việc, phương tiện đi lại hoặc không còn nhu cầu sử dụng sẽ ký lại hợp đồng thuê sử dụng (thuê tăng lên hay giảm đi) cho phù hợp với nhu cầu, tiêu chuẩn, định mức sử dụng hoặc chấm dứt hợp đồng thuê. Việc quản lý, sử dụng đối với máy móc, trang thiết bị phương tiện làm việc khi đầu tư mua sắm trong các cơ quan, do bộ phận chuyên trách mua sắm tài sản thực hiện và mua sắm từng kỳ 3 năm để trang bị cho các cơ quan quản lý, sử dụng trên cơ sở nhu cầu, đề nghị của các đơn vị và ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính.

Khi các đơn vị có nhu cầu bán tài sản (kể cả bán thanh lý), các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản có văn bản đề nghị với bộ phận chuyên trách mua sắm tài sản để xem xét quyết định; căn cứ vào quyết định của bộ phận này, các đơn vị tổ chức thực hiện việc bán, thanh lý tài sản.

#### *1.4.2. Một số bài học có thể vận dụng vào Việt Nam*

Từ kinh nghiệm quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước của các nước có nền tài chính công, tài sản công phát triển; trên cơ sở thực tiễn kinh tế-xã hội và điều kiện phát triển của nước ta hiện nay, bước đầu có thể rút ra một số vấn đề mang tính kinh nghiệm vận dụng vào Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, nước ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài sản công và sử dụng đồng bộ, triệt để các công cụ, biện pháp quản lý. Các nước đều xây dựng hệ thống các quy chế đầy đủ về tất cả các mặt trong quy trình quản lý tài sản công, đây là hình thức quản lý hữu hiệu và là biện pháp để nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công. Thông qua các quy chế, Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu tài sản công có thể yêu cầu các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản công phải tuân thủ nghiêm

ngặt. Sử dụng các công cụ kinh tế để quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước bao gồm: hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở khoa học và được điều chỉnh hợp lý, các công cụ tài chính như định mức chi ngân sách để duy trì tài sản. Chú trọng đòn bẩy khuyến khích như thưởng phạt nhằm sử dụng tiết kiệm tài sản công. Sử dụng đa dạng các phương thức và công cụ kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan nhà nước. Xây dựng chế tài xử lý vi phạm cụ thể và áp dụng có hiệu quả trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản công để đảm bảo tiết kiệm tránh lãng phí.

*Thứ hai*, Phân cấp quản lý tài sản công một cách hợp lý. Các nước quản lý tài sản công hiệu quả đều phân định rõ phạm vi, nội dung và trách nhiệm quản lý, sử dụng giữa cơ quan thực hiện sự quản lý nhà nước với cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản. Đặc biệt một số nước còn thành lập cơ quan độc lập quản lý tài sản công, đây là kinh nghiệm hay có thể vận dụng ở Việt Nam bởi vì như chúng ta đều biết, quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản công ở nước ta thường là tách rời nhau, nhưng lại được thể hiện đan xen với nhau. Lâu nay sự tách biệt ở nước ta chưa rõ ràng nên quy trách nhiệm về quản lý tài sản công rất khó khăn. Do đó, nếu nước ta phân định được rõ trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý tài sản công thì việc quản lý, sử dụng tài sản công sẽ tránh được lãng phí, thất thoát, đồng thời nâng cao được hiệu quả sử dụng tài sản để phục vụ các hoạt động sự nghiệp nhiều hơn.

*Thứ ba*, nghiên cứu kỹ lưỡng để xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước. Kinh nghiệm của các nước cho thấy nước nào có hệ thống cơ quan quản lý tài sản công đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đủ mức và được phân chia tốt giữa các bộ phận thì tài sản ở nước đó được quản lý tốt. Để quản lý tốt tài sản công ở Việt Nam, Nhà nước ta cũng phải xây dựng hệ thống các cơ quan quản lý tài sản công từ trung ương đến địa phương và trong từng đơn vị, đồng thời song song với việc với trang bị cho họ quyền hạn, trách nhiệm, điều kiện vật chất và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tài sản công có đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn tốt.

## **Kết luận chương 1**

Tài sản công trong các cơ quan nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước. Công tác quản lý tài sản công là một bộ phận quan trọng không thể tách rời trong quản lý tài chính công ở nước ta hiện nay. Công tác quản lý tài sản công ở các cơ quan nhà nước có những nét đặc thù riêng: nguồn hình thành tài sản công chủ yếu từ NSNN; nội dung quản lý phong phú, phức tạp; các loại tài sản công được trang cấp chủ yếu phục vụ chức năng quản lý nhà nước và các hoạt động sự nghiệp của các cơ quan nhà nước. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải theo đúng phạm vi thẩm quyền và nguyên tắc quản lý được quy định trong Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nghị định có liên quan của Chính phủ. Có nhiều vấn đề mới và phức tạp trong quản lý tài sản công phải nghiên cứu hoàn thiện như: cơ chế quản lý, phương thức mua sắm tập trung, kiểm kê đánh giá trị giá tài sản công...

Những nội dung trên là cơ sở để nghiên cứu, phân tích thực trạng công tác quản lý tài sản công trong thời gian qua và đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân Việt Nam ở chương tiếp sau.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỆ THỐNG TOÀ ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

### 2.1. Tổng quan về hệ thống toà án nhân dân

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống Tòa án nhân dân

Cách mạng Tháng 8/1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, cùng với việc đập tan bộ máy thực dân phong kiến (xoá bỏ các tổ chức kỳ hào ở nông thôn, xoá bỏ hai ngạch quan hành chính và tư pháp, bãi bỏ các cơ quan thuộc phủ Toàn quyền...), đã xây dựng bộ máy Nhà nước kiểu mới - Nhà nước của nhân dân để bảo vệ những thành quả của cách mạng. Chính phủ lâm thời đã ra Sắc lệnh (ngày 13/9/1945) về việc thiết lập các Tòa quân sự ở Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Ninh Bình, Vinh, Huế, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Mỹ Tho. Tiếp theo là Sắc lệnh ngày 24/01/1946 thành lập thêm Tòa án Quân sự ở Nha Trang.

Như vậy, ngay từ đầu của chính quyền nhân dân, việc thành lập các Tòa án là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng đối với vận mệnh dân tộc.

Tháng 11/1946, Quốc hội khoá I tại kỳ họp thứ 2 đã thông qua Hiến pháp năm 1946, trong đó có những quy định về hệ thống các cơ quan Tòa án, các nguyên tắc tổ chức hoạt động. Đó là những văn bản pháp luật đầu tiên đặt cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của các Tòa án Nhân dân ở nước ta.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, cùng với sự chuyển hướng toàn diện của đất nước, ngành Tòa án cách mạng non trẻ của nước ta cũng đã phải bố trí, sắp xếp lại về tổ chức bộ máy và hoạt động xét xử cho phù hợp với cuộc kháng chiến. Theo đó, thành lập Tòa án quân sự khu, Tòa án binh ở các khu và Tòa án binh tối cao ở các địa phương thành lập Tòa án đệ nhị cấp.

Ngày 22/5/1950 Chủ tịch Chính phủ ra Sắc lệnh số 85 về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng, trong đó có quy định sửa đổi như: Tòa án sơ cấp nay gọi là Tòa án nhân dân huyện, Tòa án đệ nhị cấp nay gọi là Tòa án nhân dân tỉnh, hội đồng phúc án nay gọi là Tòa phúc thẩm, còn Phụ thẩm nhân dân nay gọi là Hội thẩm nhân dân. Khi xét xử hay bào chữa, Thẩm phán và luật sư không mặc áo chùng đen...

Sau hoà bình lập lại, cùng với việc kiện toàn bộ máy nhà nước, các cơ quan tư pháp cũng được kiện toàn. Ngày 01/7/1959 Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 256 trong đó quy định nhiệm vụ và tổ chức viện công tố.

Ngày 27/8/1959 Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 321 về thành lập các Viện công tố phúc thẩm. Theo các Nghị định trên, các công tố ủy viên tách khỏi các Tòa án và các Viện công tố được thành lập từ trung ương đến cấp huyện, trở thành một hệ thống trong bộ máy nhà nước.

Tháng 12/1959, Quốc hội thông qua Hiến pháp sửa đổi, trong đó có những quy định về hệ thống, chức năng và những nguyên tắc hoạt động của Tòa án nhân dân.

Trên cơ sở những quy định này, Quốc hội khoá II, kỳ họp thứ I (ngày 14/7/1960) đã thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân. Ngày 23/03/1961 ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ra Sắc lệnh quy định cụ thể về tổ chức cho TANDTC và tổ chức của các Tòa án nhân dân địa phương.

Tại kỳ họp thứ I, Quốc hội khoá VII đã thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (ngày 03/7/1981). Theo Luật này, việc đào tạo cán bộ cho ngành Tòa án cũng như việc quản lý các Tòa án địa phương, Quốc hội giao cho Bộ Tư pháp để TANDTC tập trung vào công tác hướng dẫn xét xử, giám đốc xét xử và trực tiếp xét xử.

Hiện nay, theo Hiến pháp 1992 và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (được Quốc hội khoá IX thông qua tại kỳ họp thứ nhất ngày 06/10/1992), trong hệ thống các cơ quan Tòa án còn được thành lập thêm các Tòa án khác. Công tác thi hành án dân sự được chuyển giao cho các cơ quan thuộc Chính phủ.

Thể chế hoá tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, cuối năm 2001, Quốc hội khoá X đã sửa đổi một số điều của Hiến pháp 1992 và “Luật Tổ chức Tòa án Nhân dân”; “Luật Tổ chức Viện KSND”. Ngày 02/11/2002 Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 08 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.

Theo tinh thần đó các Tòa án lại một lần nữa được cải cách về tổ chức và hoạt động để nâng cao hiệu quả trong hoạt động xét xử.

Ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 49-NQ/TN về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đây là nội dung quan trọng, định hướng lãnh đạo xây dựng và triển khai chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta nói chung trong đó có hệ thống Tòa án nhân dân.

### *2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân*

#### *2.1.2.1. Chức năng.*

- Tòa án xét xử các vụ án hình sự, các vụ án dân sự (bao gồm những tranh chấp về dân sự, những tranh chấp về hôn nhân và gia đình; những tranh chấp về kinh doanh thương mại, những tranh chấp về lao động); những vụ án hành chính.

- Tòa án giải quyết những vụ việc về dân sự (bao gồm những yêu cầu về dân sự, những yêu cầu về hôn nhân và gia đình; những yêu cầu về kinh doanh, thương



mại, những yêu cầu về lao động); giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp; xem xét và kết luận cuộc đình công hợp pháp hay không hợp pháp.

- Tòa án giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật (quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại tại Trọng tài; ra quyết định thi hành án hình sự; hoãn hoặc tạm đình chỉ cấp hành trình phạt tù; ra quyết định miễn chấp hành hình phạt hoặc giảm các hình phạt đã tuyên, ra quyết định xoá án tích).

#### 2.1.2.2. Nhiệm vụ

- Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

- Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những nguyên tắc của cuộc sống xã hội, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

#### 2.1.2.3. Hệ thống tổ chức hệ thống Tòa án

Về hệ thống Tòa án nhân dân, Hiến pháp năm 2013 quy định hệ thống tòa án gồm: *“Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định”*. Như vậy, theo quy định này của Hiến pháp thì hệ thống Tòa án được tổ chức theo cấp xét xử không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Do đó, theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 được sửa đổi theo hướng quy định về tổ chức Tòa án theo 4 cấp, cụ thể là:

- Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực là cấp xét xử sơ thẩm hầu hết các loại vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh là cấp xét xử phúc thẩm là chủ yếu, xét xử sơ thẩm một số loại vụ án thuộc các trường hợp mà Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực không có thẩm quyền xét xử sơ thẩm.

- Tòa án nhân dân cấp cao là cấp xét xử phúc thẩm và có thẩm quyền xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

- Tòa án nhân dân tối cao là cấp xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm cao nhất và chủ yếu là tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Tổ chức Tòa án theo 4 cấp nêu trên thì chỉ có Tòa án nhân dân cấp tỉnh là gắn với địa giới hành chính cấp tỉnh, còn Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực, Tòa án nhân dân cấp cao không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Theo đó, đây cũng là những yếu tố để đảm bảo cho tính khả thi của nguyên tắc Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

#### 2.1.2.4. Tòa án nhân dân tối cao

##### a. Cơ cấu tổ chức bộ máy

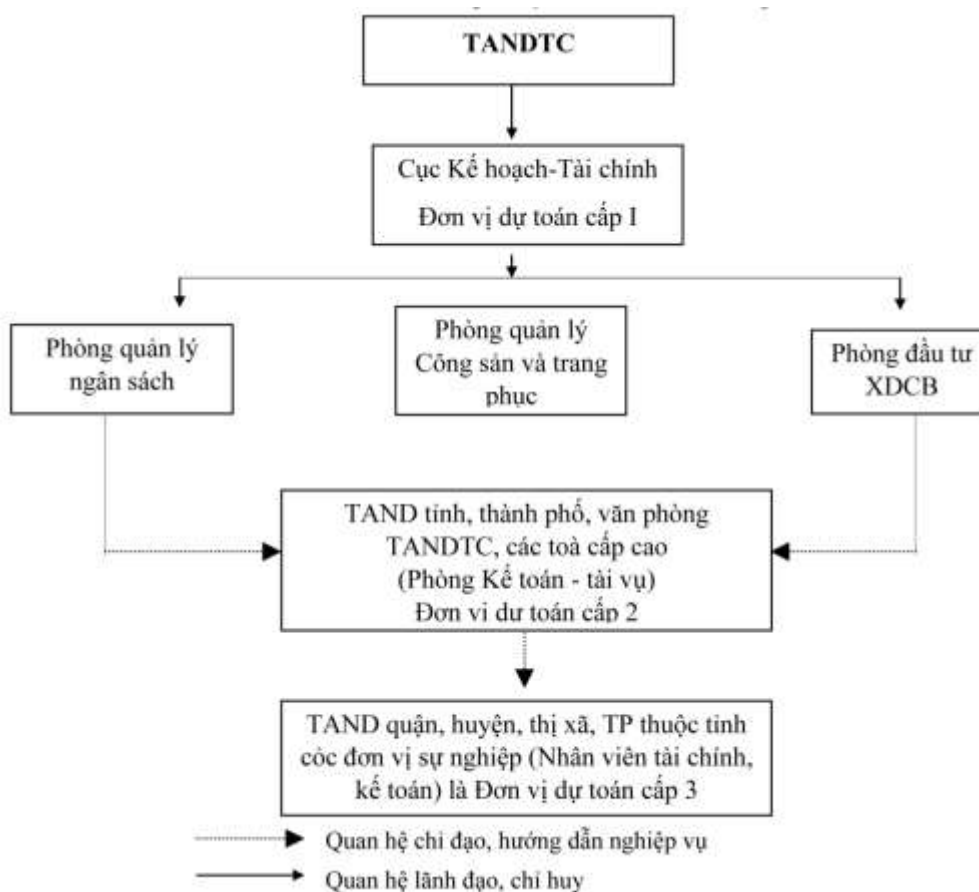
Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Luật tổ chức Tòa án năm 2014 thì cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao gồm có: Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Bộ máy giúp việc; Các cơ sở sự nghiệp.

##### b. Mô hình quản lý tài chính - tài sản

\* Từ 1/2003, TANDTC quản lý các TAND địa phương về toàn bộ tài chính - tài sản, Phòng Quản lý công sản và trang phục được thành lập 2011. Tại hệ thống TAND hiện nay, về tài chính quản lý theo mô hình 3 cấp dự toán;

#### Sơ đồ 2.1. Mô hình tổ chức quản lý tài chính tài sản ở ngành TAND



\* Tòa án nhân dân tối cao ( Cục Kế hoạch-Tài chính) là đơn vị dự toán cấp 1

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, văn phòng, các tòa án cấp cao là đơn vị dự toán cấp II.

- Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Báo Công lý, Tạp chí tòa án, Học viện Tòa án là đơn vị dự toán cấp III.

Như vậy, hệ thống Tòa án nhân dân tổ chức 3 cấp dự toán NS để tổ chức bảo đảm và quản lý tài chính - tài sản cho toàn ngành hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ.

*c. Cục Kế hoạch-Tài chính.*

Là cơ quan quản lý tài chính-ngân sách của hệ thống TAND, có chức năng tham mưu giúp lãnh đạo TANDTC chỉ đạo quản lý công tác tài chính toàn hệ thống TAND. Cục Kế hoạch- Tài chính có nhiệm vụ quyền hạn sau:

- Tổng hợp và lập kế hoạch tài chính cho toàn hệ thống TAND bao gồm: Kinh phí chi quản lý hành chính, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm phương tiện làm việc, kinh phí sự nghiệp khoa học...

- Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của hệ thống TAND để lập kế hoạch quản lý, sử dụng kinh phí cho các TAND địa phương, các đơn vị dự toán thuộc TANDTC theo luật NSNN.

- Hướng dẫn lập và báo cáo dự toán NSNN, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện NS, tài sản đối với các đơn vị, các cấp toà án trực thuộc.

Về tổ chức biên chế, gồm:

- Phòng Quản lý ngân sách; Phòng Quản lý công sản và Trang phục; Phòng Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

*2.1.3. Đặc điểm đặc thù về hoạt động toà án và tài sản công trong hệ thống Toà án nhân dân.*

*2.1.3.1. Đặc điểm đặc thù của hoạt động toà án*

Theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. TAND là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là nơi biểu hiện tập trung quyền tư pháp. So với các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, vị trí và vai trò đặc thù của Tòa án thể hiện ở các khía cạnh sau:

**Thứ nhất**, chức năng, nhiệm vụ của Tòa án trong bộ máy nhà nước là xét xử, khác với hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và các cơ quan tư pháp nói riêng. Tòa án nhân danh nhà nước xét xử và đưa ra phán quyết, thể hiện hiệu lực của một văn kiện nhà nước. Bản án được tuyên là kết quả hoạt động xét xử không được để lại một sự nghi ngờ nào cho cá nhân và xã hội.

**Thứ hai**, Tòa án là đại diện của quyền tư pháp, là cơ quan duy nhất có thẩm quyền nhân danh nhà nước ra các phán quyết và buộc mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thi hành. Vì vậy cách thức tổ chức hoạt động khác hẳn với các cơ quan hành

pháp và tư pháp ở tính độc lập của nó. Độc lập giữa các cấp xét xử của hệ thống Toà án, độc lập giữa thẩm phán và lãnh đạo các Toà án trong hoạt động công vụ. Đặc điểm này tác động đến công tác bảo đảm điều kiện làm việc cho các Toà cũng như các thẩm phán.

**Thứ ba**, lao động của ngành toà án là lao động đặc biệt. Lao động xét xử là lao động sáng tạo trong áp dụng pháp luật cả trong nước và quốc tế để đưa ra các phán quyết. Các quyết định đưa ra luôn bị giới hạn bởi các quy định khắt khe của pháp luật tố tụng, về chứng cứ, về thời hạn, về độ chính xác của bản án. Vì vậy người làm công tác xét xử không chỉ có kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết mà còn phải có môi trường làm việc tốt. Đặc điểm này đòi hỏi cần phải nghiên cứu có một định mức sử dụng TSC khác với các công chức nhà nước trong các CQNN.

**Thứ tư**, nghi lễ toà án là một nghi lễ đặc thù từ thủ tục, trình tự thực hiện nó thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tính nhân danh nhà nước để phán quyết. Điều đó tác động đến việc xây dựng trụ sở, mua sắm, trang bị cho các phòng xử án, trang bị cho các thẩm phán.v.v.. phải tính đến đặc điểm này.

#### 2.1.3.2. Đặc điểm đặc thù của TSC trong hệ thống Toà án nhân dân

TSC trong hệ thống TAND về cơ bản cũng có những đặc tính như TSC trong các CQNN khác. Tuy nhiên do tính đặc thù trong hoạt động của ngành Toà án nên TS để phục vụ cho hoạt động của ngành TAND cũng có một số điểm khác biệt sau:

##### - *Tính cá biệt của tài sản*

Về trụ sở, hội trường xét xử: thường không đòi hỏi tính mỹ thuật, nhưng lại phải có tính trang nghiêm, chắc chắn, bề thế. Trang thiết bị cũng phức tạp hơn như cần có nhiều camera giám sát. Trang thiết bị trong phòng cũng khác từ bàn ghế hội đồng xét xử, vành móng ngựa, bàn ghế ngồi vừa có tính đơn chiếc, vừa phải bảo đảm độ chắc chắn. Điều đó ảnh hưởng đến việc đặt hàng và xác định giá thành sản phẩm khi đầu tư xây dựng và mua sắm.

Về trang phục: ngành TAND là ngành biểu trưng cho quyền lực nhà nước, do đó cán bộ công chức của ngành rất cần có một trang phục đặc trưng thể hiện rõ ràng hình tượng người cán bộ TAND. Nó còn thể hiện tinh thần tập thể, đoàn kết, kỷ luật đồng thời để tránh giả mạo cán bộ Toà án. Vì vậy, trang phục ngành TAND cần phải được đầu tư mua sắm tập trung để bảo đảm những yêu cầu trên.

##### - *Tính thích ứng không cao.*

Không như TSC của các CQNN khác, ngoài việc sử dụng ở CQNN này có thể được sử dụng trong các CQNN khác hoặc cho việc khác. Tài sản trong hệ thống

TAND đặc biệt là hội đồng xét xử, các trang thiết bị hệ thống Tòa án về cơ bản không thể dùng cho các ngành nghề khác. Đặc điểm này tác động đến nhiều vấn đề trong khai thác sử dụng tài sản như: việc khai thác nguồn lực tài chính từ TSC đối với hệ thống TAND sẽ rất hạn chế; việc điều chuyển TSC từ đơn vị này sang đơn vị khác cũng khó khăn, phải bảo đảm tính có thể sử dụng được; việc thanh lý, nhượng bán TSC hết hạn sử dụng hoặc không cần dùng cũng gặp nhiều khó khăn về giá cả và người mua.

#### *2.1.4. Cơ sở pháp lý tổ chức quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân.*

Hiến pháp;

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước, Luật đầu tư công.

Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI;

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”;

Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

Nghị quyết số 473A/NQ-UBTVQH13, ngày 28/3/2012 về tổng biên chế và số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự các cấp .

Công văn số 17151/BTC-QLCS ngày 16/12/2010 của Bộ Tài chính về việc định mức xe ô tô chuyên dùng của ngành Tòa án nhân dân.

Công văn số 15699/BTC-QLCS ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính về việc định bổ sung định mức xe ô tô chuyên dùng của ngành Tòa án nhân dân.

Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Quyết định số 213/2006/QĐ-TTg ngày 25/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý công sở các cơ quan hành chính nhà nước.

Thông tư số 01/2007/TT-BXD ngày 31/1/2007 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Quy chế quản lý công sở các cơ quan hành chính nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 213/2006/QĐ-TTg ngày 25/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định số 15/2006/QĐ-BXD ngày 02/6/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Quy định chế độ bảo trì công sở các cơ quan hành chính nước.

Thông tư số 53/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành Quy định bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ)*.

Thông tư số 83/2007/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ “TTg ngày 19/1/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước *(đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2011/TT-BTC ngày 22/03/2011 của Bộ Tài chính)*.

Quyết định số 115/2008/QĐ -TTg ngày 27/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chỉ thị số 17/2007/CT “TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý tài sản nhà nước của các Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước.

Thông tư số 87/2010/TT-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc.

Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

Quyết định số 1730/2008/QĐ-TATC ngày 29/11/2007 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Quyết định số 312/QĐ-TATC ngày 09/4/2010 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc phân cấp quản lý và sử dụng tài sản nhà nước thuộc ngành Tòa án nhân dân.

Theo Quyết định 312 của TANDTC, việc phân cấp quản lý TSC trong hệ thống TAND như sau:

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất; Chánh án TAND tối cao quyết định đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án nhóm C. Chánh án TAND cấp tỉnh và tương đương quyết định đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án nhóm C.

2. Đối với tài sản là phương tiện giao thông vận tải, máy móc trang thiết bị, phương tiện làm việc và các tài sản khác;

- Chánh án TAND tối cao, phê duyệt kế hoạch mua sắm hàng năm, kế hoạch mua sắm bổ sung của các đơn vị dự toán thuộc ngành TAND; Tổ chức mua sắm ô tô, máy móc thiết bị, tài sản khác có tính chất trang bị đồng loạt trong toàn hệ thống TAND; Tổ chức mua sắm theo thiết kế mẫu đối với tài sản mang tính đặc thù ngành Tòa án gồm: trang phục cán bộ, công chức, trang phục hội thẩm nhân dân, kỷ niệm chương, ấn phẩm chuyên ngành, hình thức kiểu dáng xe ô tô chuyên dùng, mẫu bàn ghế xét xử... không phụ thuộc vào đơn giá của một đơn vị tài sản hoặc tổng giá trị mua sắm các loại hàng hoá cùng chủng loại hoặc đồng bộ.

- Chánh án TAND cấp tỉnh và tương đương được Chánh án TAND tối cao ủy quyền: Tổ chức mua sắm các loại tài sản theo kế hoạch đã được TAND tối cao phê duyệt và ủy quyền theo quy định của pháp luật; phê duyệt hoặc mua sắm các loại tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng/ đơn vị tài sản của các loại hàng hoá cùng chủng loại hoặc đồng bộ.

Việc mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hoá bằng tiền từ ngân sách nhà nước.

3. Phân cấp về thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc cho Chánh án TAND cấp tỉnh tương đương, chánh án TAND cấp huyện và tương đương.

4. Phân cấp thẩm quyền thu hồi, điều chuyển TSC với các nội dung cơ bản như sau:

Quy định các trường hợp bị thu hồi tài sản, thẩm quyền thu hồi thuộc Chánh án TAND tối cao trừ các tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Quy định các trường hợp điều chuyển tài sản; Thẩm quyền điều chuyển của Chánh án TAND tối cao; thẩm quyền điều chuyển tài sản của Chánh án TAND cấp tỉnh và tương đương.

5. Phân cấp thẩm quyền bán TSC với các nội dung cơ bản như sau:

- Các trường hợp TSC được bán;  
- Thẩm quyền quyết định bán TSC thuộc Chánh án TAND tối cao, trừ những tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Thẩm quyền thanh lý TSC với các nội dung cơ bản như sau:

- Điều kiện thanh lý TSC  
- Thẩm quyền quyết định thanh lý TSC  
+ Chánh án TAND tối cao quyết định thanh lý tài sản là nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện đầu tư, giải phóng mặt bằng nhà, công trình có giá trị nguyên giá dưới 500 triệu đồng bị hư hỏng không còn sử dụng được, các loại tài sản có nguyên giá là 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, xe ô tô các loại, xe máy các loại, nhà, công trình thanh lý mà không thuộc hai trường hợp trên thì Chánh án TAND tối cao đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thanh lý.

+ Chánh án TAND tỉnh và tương đương, Chánh án TAND huyện và tương đương quyết định thanh lý các tài sản còn quyết định thanh lý các loại tài sản còn lại của các đơn vị thuộc mình quản lý.

7. Quy định về bảo dưỡng, sửa chữa, lập và quản lý hồ sơ tài sản công:



a. TSC được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của nhà nước. Lập hồ sơ thiết kế, dự toán bảo trì, trùng tu trụ sở làm việc.

b. Lập hồ sơ quản lý TSC gồm:

- Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản;
- Báo cáo kê khai tài sản;
- Cơ sở dữ liệu về tài sản.

c. Quản lý, lưu giữ hồ sơ tài sản tại TAND các cấp, TAND tối cao và các đơn vị sự nghiệp.

8. Quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quy định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Toàn hệ thống TAND có đầy đủ khung khổ pháp lý để thực hiện quản lý tài sản nhà nước do Nhà nước giao.

## **2.2. Thực trạng quản lý tài sản nhà nước tại ngành Tòa án nhân dân**

### **2.2.1. Tình hình ngân sách và tài sản công tại hệ thống TAND từ 2013 - 2017**

#### **2.2.1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách**

Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ hàng năm và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước dựa trên cơ sở thông báo số kiểm tra dự toán về tổng mức và từng lĩnh vực chi; Tòa án nhân dân tối cao tổ chức lập dự toán chi ngân sách nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ được giao. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định dự toán của ngành Tòa án nhân dân. Theo đó, trong quá trình thảo luận giữa Tòa án nhân dân tối cao với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch; và Đầu tư, Kiểm toán nhà nước, Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội về dự toán ngân sách hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao nếu có ý kiến khác nhau giữa Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan nêu trên với Tòa án nhân dân tối cao thì Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ trình Thủ tướng Chính phủ về những ý kiến còn khác nhau đó và đề xuất phương án, nội dung phân bổ cho Tòa án nhân dân tối cao.

Dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách cho ngành Tòa án nhân dân do Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội, kèm theo dự toán chi của ngành Tòa án nhân dân; cụ thể:

- Đối với kinh phí chi thường xuyên: Về cơ bản, cơ chế phân bổ này tập trung vào các nội dung chính như chi bảo đảm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức trong ngành. Các nội dung chi bảo đảm hoạt động thường xuyên phục vụ nhiệm vụ chuyên môn do Đảng, nhà nước giao cho ngành Tòa án nhân dân. Kinh phí chi thường xuyên của ngành Tòa án nhân dân được cấp theo định mức tính chung với khối các cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Bộ Tư pháp) định mức kinh phí bảo đảm hoạt động là 50 triệu đồng/người/năm.

Ngoài ra, còn có kinh phí chi lương và các khoản chi có tính chất lương; chi hỗ trợ phục vụ xét xử tại phiên tòa, xét xử lưu động, chi trang phục cán bộ, công chức; chi bảo trì trụ sở, tập huấn hội thẩm nhân dân...

Đối với kinh phí đầu tư: Tòa án nhân dân tối cao lập danh mục dự án và dự kiến bố trí vốn. Căn cứ dự kiến danh mục và nhu cầu vốn đầu tư của Tòa án nhân dân tối cao, khả năng cân đối vốn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ và báo cáo Quốc hội dự kiến tổng mức đầu tư cho Hệ thống Tòa án nhân dân và thông báo dự kiến tổng vốn đầu tư cho ngành. Tòa án nhân dân tối cao căn cứ danh mục dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát và tổng số vốn đầu tư được thông báo để xây dựng danh mục dự án và mức bố trí vốn cho từng dự án cụ thể, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch.

Thực tế NSNN giao cho ngành TAND từ 2013-2017 được phản ánh qua bảng 2.1 ở phần phụ lục.

Về cơ cấu ngân sách của ngành TAND biến động từ 2013-2017 rõ qua biểu đồ 2.1 ở phần phụ lục.

Qua biểu đồ ở phần phụ lục về số liệu thực hiện ngân sách cho thấy:

- NSNN hàng năm phân bổ cho ngành đều tăng. Năm 2013 tổng ngân sách là 1751,35 tỷ, đến 2017 là 2942,26 tỷ tăng 67,9% với số tuyệt đối là 1.191,9 tỷ đồng. Cả hai loại NS là chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển đều tăng, tuy nhiên tốc độ tăng của chi thường xuyên cao hơn nhiều so với tốc độ chi đầu tư phát triển với tốc độ tăng tương ứng là 81,5% và 22,5%.

- Số chỉ tiêu NSNN phân bổ hàng năm đều cao hơn mức dự toán ngành TAND lập trừ năm 2016 đạt 99%.

- Về cơ cấu chi NSNN ngành TAND được thực hiện qua biểu đồ 2.1. Trong tổng chi ngân sách chủ yếu là chi thường xuyên. Điều này cũng là tình trạng chung trong cơ cấu chi NSNN của các cơ quan nhà nước. Chi ĐTP thường chi chiếm 20-

25% tổng chi của đơn vị. Với ngành TAND mức chi ĐTPPT không lớn thường ở mức 400-490 tỷ đồng/ năm và về cơ cấu chiếm tỷ trọng ngày càng giảm trong cơ cấu chi của ngành, từ 22,8% năm 2013 xuống 16,6% năm 2017. Đây là nguồn tài chính cơ bản để đầu tư xây dựng và mua sắm TSC của ngành. Mặc dù trong những năm qua kinh tế đất nước khó khăn nhưng hàng năm Nhà nước đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng để tăng khối lượng TSC phục vụ cho ngành TAND.

#### 2.2.1.2. Tình hình tài sản nhà nước

Để đánh giá tình hình quản lý TSC tại ngành TAND cần phải nghiên cứu quy mô, sự biến động và kết cấu của một số loại chủ yếu do hệ thống TAND quản lý.

\* Từ số liệu năm so sánh 2012 tính tốc độ tăng TSC tại hệ thống TAND.

Từ số liệu bảng 2.4 ở phần phụ lục có thể phản ánh tốc độ tăng trưởng của 4 nhóm TS chủ yếu qua đồ thị sau

Từ số liệu các bảng 2.2; 2.3; 2.4 và các biểu đồ, đồ thị ở phần phụ lục có thể nhận xét về quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng TSC tại ngành TAND như sau:

- Về quy mô TSC:

Tổng giá trị TSC toàn ngành TAND đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.927.124 triệu đồng tăng 1.539.116 triệu đồng tăng 18,35% so với cuối năm 2012, trong đó, nhà tăng: 934.203 triệu đồng tăng 41,9% so với 2012, phương tiện vận tải tăng 46.805 triệu đồng, tăng 42,7% so với 2012, tài sản khác tăng: 126.297 triệu đồng tăng 23,8% so với 2012. Đáng chú ý là nhà cấp 2 tăng 379.905 triệu đồng tăng 78,8% so với năm 2012, trang bị xe máy, điều hoà nhiệt độ, máy tăng âm, loa đài đều tăng trên 45% so với 2012. Sự tăng trưởng về giá trị gắn với sự tăng trưởng về số lượng và chất lượng tài sản, ví dụ giá trị nhà cấp 2 tăng 78,8% nhưng diện tích chỉ tăng 24,3%. Việc giá trị nhà tăng nhanh hơn tăng diện tích do hai yếu tố tác động: Thứ nhất, trong giai đoạn này chủ yếu từ 2013 - 2015 giá vật liệu xây dựng tăng; thứ hai, chất lượng công trình được xây dựng có tiến bộ hơn thời gian trước đây.

Hệ thống TAND là ngành mới được tách ra thành một ngành độc lập nhưng đầu tư cơ sở vật chất của ngân sách nhà nước trong 5 năm (2013-2017) với tốc độ tăng của cả 5 năm là 18,35% là còn thấp. Trong giai đoạn này ngân sách nhà nước cũng rất khó khăn, nhưng vẫn thực hiện đầu tư cho ngành TAND là một cố gắng lớn, một sự ưu tiên. Vì các năm 2014-2017, nhà nước ta phải cắt giảm chi tiêu công trong đó có cắt giảm đầu tư công đối với khu vực hành chính sự nghiệp. Tuy nhiên, theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị “về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” là “Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp khang trang hiện đại, đầy đủ tiện nghi. Ưu tiên phục vụ... công tác xét xử...tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp”.

Theo đó tại Nghị quyết số 458/QĐ-TTg ngày 09/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trang bị phương tiện làm việc của Tòa án nhân dân giai đoạn III (2014-2018) với tổng kinh phí: 388.807.000.000 đồng. Thực hiện Quyết định này đến cuối năm 2017, trang thiết bị, phương tiện làm việc của TAND các cấp về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu thiết yếu cho hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng các chỉ tiêu, định mức được duyệt...” Ngoài nhà là trụ sở làm việc, các loại tài sản khác đều tăng từ 114.391 triệu đồng (năm 2012) lên 157.196 triệu đồng (năm 2017) tăng 46.685 triệu đồng, tăng 43,0%, tài sản khác mà chủ yếu là trang thiết bị, phương tiện làm việc từ 530.685 triệu đồng (năm 2012) lên 656.982 triệu đồng (năm 2017) tăng 23,8%. Sự tăng trưởng cao của trang thiết bị, phương tiện làm việc đã thực hiện đúng theo tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị.

- Về cơ cấu:

Trong 4 nhóm TS chủ yếu, tài sản là giá trị quyền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn nhất thường chiếm 61-70% tổng giá trị TSC toàn ngành, tiếp đến là TS là TSLV chiếm 22-30%, PTVT chiếm 1,5-1,6%, TS chuyên dụng và TS khác chiếm 6-7%. Như vậy TS do ngành TAND quản lý chủ yếu là BDS, chiếm 92-94% và TS là động sản chỉ chiếm 6-8%. Đây cũng là đặc điểm chung trong cơ cấu giá trị TS của các CQNN.

Sau 5 năm cơ cấu giá trị TS là động sản biến động không lớn; TS là giá trị quyền sử dụng đất giảm 8,9% và giá trị TS là trụ sở làm việc tăng 8,4%.

- Về tốc độ tăng trưởng:

Nếu lấy 2012 làm năm gốc so sánh, đến 2017 tổng giá trị TSC toàn ngành TAND tăng 18,3% trong đó: đất đai tăng 7,6%, trụ sở làm việc tăng 41,9%, phương tiện vận tải tăng 42,9% và TS khác tăng 23,8%.

### *2.2.2. Thực trạng quản lý quá trình hình thành tài sản công*

Tài sản công do hệ thống TAND quản lý được hình thành chủ yếu từ nguồn NSNN và được thực hiện thông qua hai hình thức cơ bản là đầu tư XD CB và mua sắm.

#### *2.2.2.1. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản.*

Định hướng chiến lược đầu tư xây dựng các công trình là trụ sở làm việc, phòng xử án của toàn ngành TAND như sau: các công trình xây dựng mới phải đảm bảo chất lượng cao có tuổi thọ cao (thời gian sử dụng lâu dài) với trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, trước mắt phải đầu tư cho các đơn vị chưa có trụ sở làm việc hoặc trụ sở là nhà tạm, chật hẹp. Đồng thời với việc cải tạo, nâng cấp nhà cũ và mở rộng trụ sở làm việc, tăng diện tích trụ sở làm việc đảm bảo đủ theo định mức của Chính phủ; tăng diện tích cho những người tham gia làm việc tổ tụng. Với định hướng chiến lược trên, trong điều kiện kinh tế thế giới và kinh tế nước nhà trong tình trạng

suy thoái, công tác đầu tư xây dựng được thực hiện qua các năm thể hiện rõ ở bảng 2.5 phần phụ lục:

Qua bảng 2.5 cho thấy số liệu về đầu tư xây dựng cơ bản cho thấy số kinh phí trên cấp cho đầu tư phát triển tương đối ổn định và không tăng nhiều qua các năm. Tính từ 2013-2017 chỉ tăng 22,5%, bình quân hàng năm tăng 4,5%.

Về phân cấp đầu tư: Đối với đầu tư xây dựng mới, TAND cấp TW: 27%; TAND cấp tỉnh: 28% và TAND cấp huyện là 45%. Đối với kinh phí sửa chữa tỷ lệ % tương ứng là 5%; 40% và 55%. Tỷ lệ phân cấp cho thấy trong thời gian qua việc đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu dành cho đơn vị cơ sở.

Về thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Tính đến cuối năm 2013 công tác đầu tư xây dựng của ngành TAND đã thực hiện:

- 67 trụ sở làm việc của TAND các cấp được đầu tư xây dựng đã hoàn thành (TAND cấp tỉnh 7, TAND cấp huyện 60);

- 83 dự án đầu tư xây dựng mới đang được triển khai (TAND cấp tỉnh 19; TAND cấp huyện 64);

- 70 dự án cải tạo trụ sở làm việc đang được đầu tư cải tạo (TAND cấp tỉnh 8; cấp huyện 62) đã hoàn thành;

- 36 dự án cải tạo dở dang (cấp tỉnh 13, cấp huyện 23);

Tổng mức đầu tư đã được quyết toán đưa vào sử dụng trong năm 2013 là: 299.967 triệu đồng tăng 14,1% so với năm 2012.

Năm 2014, trong công tác xây dựng cơ bản đã thực hiện:

- Tạm dừng khởi công 43 công trình;

- Cắt giảm vốn đầu tư 01 công trình với số vốn bị cắt giảm 32.850 triệu đồng;

- Chi đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc cho cấp huyện đối với những nơi mới được thành lập hoặc phải di dời trụ sở làm việc theo quy hoạch.

Tổng mức đầu tư đã được thanh quyết toán là: 218.201 triệu đồng tăng 9,0% so với năm 2013.

Bước vào năm 2015, hệ thống TAND chỉ tập trung vốn đầu tư để:

- Thanh quyết toán cho các công trình đã hoàn thành;

- Đầu tư cho các công trình chuyển tiếp: đã đầu tư xây dựng mới hoặc đang được cải tạo, mở rộng, nâng cấp, cụ thể như sau:

+ Ưu tiên vốn thanh quyết toán cho 24 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và 11 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015;

+ 33 dự án chuyển tiếp

Các công trình xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, nâng cấp đưa vào sử dụng đã đáp ứng yêu cầu về thời gian, đảm bảo chất lượng, quy mô và công năng sử dụng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của TAND các cấp hiện nay và phù hợp với việc đổi mới mô hình tổ chức TAND các cấp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, phục vụ yêu cầu đổi mới sửa đổi hiến pháp.

Tổng mức đầu tư đã được thanh quyết toán là: 28.351 triệu đồng tăng 1,1% so với năm 2014.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ; năm 2016, ngành TAND xác định thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo định hướng của năm 2014 và năm 2015, theo đó:

- 67 trụ sở được đầu tư xây dựng mới;

- 36 trụ sở được cải tạo mở rộng

Tổng mức đầu tư đã được thanh, quyết toán là: 202.300 triệu đồng, tăng 7,57% so với năm 2015.

Năm 2017, toàn ngành TAND được Ngân sách nhà nước cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản là: 490.000 triệu đồng, tăng 142,1% so với số vốn đã thanh quyết toán đưa công trình vào sử dụng của năm 2016. Điều này cũng đồng thời chứng minh rằng sang năm 2017 kinh tế đất nước ta đã bắt đầu phục hồi, ngân sách đã có nguồn lực tài chính để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản. Nguồn vốn đầu tư trên được phân bổ như sau:

- Thanh toán cho 69 dự án; trong đó có 36 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, 10 dự án hoàn thành trong năm 2017;

- 08 dự án chuyển tiếp;

- 13 dự án khởi công mới;

- 02 dự án chuẩn bị đầu tư;

Năm 2017, Tòa án nhân dân tối cao cũng bắt đầu triển khai dự án trọng điểm là xây dựng mới trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân tối cao tại số 43 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 900 tỷ đồng. Dự kiến nguồn kinh phí đầu tư sẽ lấy từ việc bán 04 trụ sở dôi dư của Tòa án nhân dân tối cao tại: 262 Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội; 26 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh; số 11 Văn Phú và 1A Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

Để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ, TAND tối cao đã phân cấp cho TAND các cấp về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc theo quy định của Pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan; trong đó, thực hiện lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, quyết định dự án đầu tư, đấu thầu xây dựng.v.v.. theo quy định của pháp luật và của TAND tối cao.

Tóm lại, hoạt động đầu tư XDCCB của ngành TAND trong thời gian vừa qua đã đạt được kết quả chủ yếu sau:

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản để xây dựng trụ sở làm việc, phòng xử án và các công trình phụ trợ khác đã tuân thủ nghiêm túc Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp.

Các công trình đã được xây dựng về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu trước mắt về trụ sở làm việc, về phòng xử án và các công trình phụ trợ khác, đồng thời nâng cao chất lượng và hiện đại hoá đáp ứng yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị; tạo cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo mọi hoạt động của toàn ngành TAND.

Các dự án đầu tư xây dựng được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các pháp luật khác có liên quan. Chưa xuất hiện các hiện tượng vi phạm pháp luật trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Trong điều kiện nền kinh tế thế giới và trong nước ở giai đoạn suy thoái, ngành đã có định hướng chiến lược đầu tư xây dựng đúng hướng và phù hợp với thực tế, hướng tới tương lai và vừa phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, trong công tác quản lý vốn đầu tư XDCCB cũng còn một số bất cập:

Vốn đầu tư không nhiều nhưng bị phân bổ cho quá nhiều dự án, cụ thể như sau: Năm 2016, giá trị công trình xây dựng hoàn thành và thanh quyết toán đi vào sử dụng là 299.467 triệu đồng, nhưng trong năm đã phải phân bổ vốn cho 189 dự án, tính bình quân mỗi dự án được phân bổ vốn: 1.587 triệu đồng, dẫn đến năm 2014 phải tạm dừng khởi công 43 công trình, cắt giảm vốn đầu tư 1 công trình với mức cắt giảm khoảng 32.850 triệu đồng, đồng thời thu hẹp phạm vi đầu tư. Đến năm 2015 không có dự án đầu tư mới, mà vốn đầu tư được tập trung thanh toán cho các công trình đã hoàn thành và các công trình chuyển tiếp. Đến

năm 2016 lại tiếp tục đầu tư mới 103 dự án. Năm 2017 được đầu tư 490.000 triệu đồng chủ yếu để thanh toán cho 64 dự án, trong đó có 36 dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Việc đầu tư cho quá nhiều dự án dẫn đến thanh toán chậm (nợ nhà thầu) là nguyên nhân làm tăng chi phí đầu tư.

Chưa ban hành kiến trúc thiết kế mẫu trụ sở làm việc của cơ quan TAND cấp tỉnh, cấp huyện, trong đó cần ban hành kiến trúc mẫu cho một số trường hợp có tính đặc thù. Làm được việc này sẽ giảm đáng kể chi phí tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư và các chi phí tư vấn khác, thống nhất chiếm chi phí xây dựng công trình như chi cho đất đai, chi phí thi công, chi cho vật liệu xây dựng .v.v.. mà vẫn đảm bảo phù hợp về diện tích làm việc của cán bộ công chức theo định mức, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định; đồng thời có đủ các công trình phụ trợ phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngành TAND.

#### 2.2.2.2. Tình hình mua sắm tài sản công

Tổng giá trị động sản được thể hiện qua bảng 2.6 phần phụ lục (thiết bị, phương tiện đi lại, phương tiện làm việc) đến cuối năm 2017 là: 814.178 triệu đồng chiếm 8,2% tổng giá trị tài sản nhà nước của toàn ngành TAND, tăng 173.102 triệu đồng tăng 27,00%, bình quân tăng hàng năm khoảng 5%. Mức tăng này là phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước trong giai đoạn từ 2013 - 2017 các loại tài sản được tăng cường đầu tư gồm:

- Hệ thống công nghệ thông tin; giá trị tài sản năm 2017 tăng 11% so với năm 2012.

- Tăng âm, loa đài, giá trị tài sản năm 2017 tăng 25,5% so với 2012.

- Xe chuyên dùng, giá trị tài sản năm 2017 tăng 29,2% so với 2012.

Đây là sự đầu tư đúng hướng để phục vụ công tác của toàn ngành là phù hợp với thực tế nhiệm vụ ngày một tăng: năm 2013 giải quyết được 326.268 vụ án/ 289.285 vụ án, năm 2014 giải quyết được 299.301 vụ án/ 326.268 vụ án tăng 11,3% so với năm 2013, năm 2015 giải quyết được 332.868 vụ án/ 360.941 vụ án tăng 11,1% so với năm 2014; năm 2016 giải quyết được 364.819 vụ án/ 395.415 vụ án, tăng 11,0% so với năm 2015; năm 2017 giải quyết được 385.356 vụ án, tăng 11,0% so với năm 2016.

- Việc mua sắm tài sản là động sản được tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng TSC.



- Việc mua sắm TSC của toàn ngành TAND trong giai đoạn từ 2013 đến hết 2017 đều phù hợp với tiêu chuẩn định mức, chế độ quản lý, sử dụng TSC đối với các loại tài sản:

+ Mua sắm phương tiện đi lại được thực hiện theo quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước; Theo đó, toàn ngành mua sắm các loại ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo, xe ô tô dùng chung xe chuyên dùng đều tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng, về chế độ quản lý.v.v.. thực hiện chỉ mua xe ô tô khi cơ quan, đơn vị thiếu xe phục vụ công tác mà số xe ô tô hiện có so với theo tiêu chuẩn, định mức còn thiếu. Mua xe ô tô phù hợp với mức gia mua, theo quy định tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc được tuân thủ thực hiện theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ công chức, viên chức nhà nước.

+ Mua sắm trang bị điện thoại cố định, điện thoại di động cho cơ quan, đơn vị, tại nhà riêng của các chức danh có tiêu chuẩn, định mức sử dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện đấu thầu mua sắm TSC theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản. Trong đấu thầu mua sắm TSC đã tổ chức theo đúng đúng quy trình, thủ tục để chọn ra nhà cung cấp tốt nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thực hiện mua sắm tập trung toàn ngành đối với tài sản là xe ô tô, máy móc thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin... mua sắm tập trung do cơ quan TAND tối cao thực hiện.

Về thực hiện phương thức mua sắm TSC

Qua số liệu bảng 2.7 phần phụ lục cho thấy:

TSC được mua sắm theo 2 phương thức: Đơn vị tự mua sắm và mua sắm tập trung. Tỷ trọng giữa 2 hình thức này thay đổi tăng dần hàng năm theo phương thức mua sắm tập trung.

Nếu lấy mốc năm 2015, tỷ trọng này là 50.87% thì ở năm 2016 tăng 0.35%, đạt 51.22%, đến năm 2017 tăng 3.14% đạt 54.04%. Điều đó cho thấy, mặc dù TANDTC đã có nhiều cố gắng thực hiện quy chế mua sắm TSC tập trung, song vẫn bộc lộ không ít vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện. Song vẫn bộc lộ

không ít vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện như: tăng mạnh tỷ trọng mua sắm theo phương thức tập trung; giảm bớt những lỗi vi phạm về danh mục TSC phải mua sắm tập trung theo qui định; tăng cường giám sát chặt chẽ qui trình, thủ tục pháp lý trong đấu thầu mua sắm...

Có thể khái quát qui mô và tỷ trọng các hình thức mua sắm TSC trong 3 năm 2015-2017 qua biểu đồ 2.3 phần phụ lục:

Tóm lại, trong thời gian vừa qua việc mua sắm TSC của toàn ngành TAND đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý sử dụng TSC. Kết quả mua sắm đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng, đảm bảo nhu cầu cơ bản phục vụ trong công tác, trong chỉ đạo, điều hành hoạt động của ngành. Việc mua sắm được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật, chưa xảy ra các vi phạm dù là nhỏ nhất.

Tuy nhiên, trong quá trình mua sắm TSC cũng còn một số bất cập sau:

Một là, số lượng xe chuyên dùng, xe phục vụ chung còn quá ít, chưa đủ để đáp ứng nhu cầu xét xử. Số lượng xe chuyên dùng trong các năm từ 2013 đến 2017 tăng nhanh song vẫn chưa đủ lượng đảm bảo thực hiện an toàn, đầy đủ cho công tác xét xử các vụ án dân sự, hình sự lưu động tại các cơ sở xã, phường, thị trấn, trong khi đó số xe chuyên dùng đến cuối năm 2017 có 226 chiếc, định mức khoảng 253 chiếc, còn thiếu 26 chiếc thiếu 10,3% so với định mức, không thể đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ xét xử bạo động tại xã, phường, thị trấn. Theo tinh thần Nghị quyết số 781/2009/UBTVQH12 ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, từ ngày 14/5/2009 thì 100% TAND cấp huyện được tăng thẩm quyền xét xử cả về hành sự và dân sự do đó số lượng các vụ án phải thụ lý và xét xử của TAND cấp huyện ngày một tăng lên. Số lượng bị can, bị cáo của mỗi vụ án nhiều hơn trước do tính chất và đặc điểm của nền kinh tế thị trường tác động. Hiện nay các toà án cấp huyện phải đi thuê phương tiện đi lại, do đó, bị động và tính an toàn không cao.

Hai là, Không tạo quyền chủ động cho các toà cấp dưới, việc mua sắm thường chậm về thời gian, có trường hợp không đúng về chủng loại, tính năng tác dụng của tài sản. Đơn vị sử dụng không nắm chắc được lý lịch của tài sản nên gặp khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng tài sản.

Ba là, Mua sắm tập trung nếu không thực hiện đúng quy định, không kiểm tra giám sát sẽ khó quản lý về giá cả, phẩm cấp và có thể dẫn tới không chú ý đến công tác bảo quản, bảo dưỡng trong quá trình sử dụng của cấp dưới.

Bốn là, Có những loại tài sản rất thông dụng trên thị trường, chúng không có tính chất đặc thù và có thể mua bất cứ ở đâu nhưng cũng được mua sắm tập trung như máy vi tính năm 2015 mua tập trung là 96%, tự mua 4% đến 2017 tỷ lệ này là 98% và 2%.

### 2.2.2.3. Biến động về tài sản nhà nước.

Sau quá trình đầu tư, mua sắm TSC đã tạo ra sự thay đổi cả về số lượng, giá trị TSC phục vụ cho nhiệm vụ của toàn ngành TAND.

Qua sự biến động về TS ở bảng 2.8 phần phụ lục cho thấy kết quả của quá trình mua sắm đã tạo ra sự thay đổi đáng kể số lượng TSC chủ yếu của ngành TAND.

Về trụ sở làm việc, sau 5 năm diện tích nhà đã tăng 12.0817m<sup>2</sup>, tăng 15% so với 2013. Đáng chú ý là nhà kiên cố tăng nhiều hơn (nhà cấp 3 tăng 22,7%, cấp 2 tăng 24,2% và cấp 1 tăng 23,5%), nhà cấp 4 gần như không tăng.

Về PTVT, từ 2013-2017 không thực hiện việc mua sắm ô tô, nhưng số lượng ô tô toàn ngành vẫn tăng 40 cái, nguyên nhân là do điều chuyển từ các ngành khác của tỉnh sang cho các TAND địa phương.

Về PTLV cũng được mua sắm trang bị nhiều, các loại PTLV chủ yếu đều tăng có nhiều loại tăng cao như xe máy 49,7%, tăng âm loa đài tăng 143,9%, máy phát điện tăng 164,8% .v.v..

## 2.3. Đánh giá thực trạng quản lý TSC tại hệ thống TAND

Tại mục 2.2 trên đây đã phản ánh thực trạng và đánh giá cụ thể về thực trạng đầu tư xây dựng, thực trạng mua sắm, trang bị tài sản, đó chính là đánh giá thực trạng quá trình hình thành TSC. Phần này, xin được đánh giá vừa có tính chất tổng quát chung vừa đi sâu phân tích cụ thể từng vấn đề về kết quả đạt được, những hạn chế và tồn tại, trên cơ sở đó rút ra nguyên nhân của những tồn tại và hạn chế.

### 2.3.1. Những kết quả đạt được

Thực trạng quản lý tài sản nhà nước trong giai đoạn 2013 đến hết 2017 đã được kết quả trên các mặt cơ bản như sau:

Thứ nhất, đảm bảo một nền tảng cơ sở vật chất cho toàn bộ hoạt động của ngành TAND ngày một tăng nhanh cả về quy mô, nội dung, tính chất phức tạp của nhiệm vụ, biểu hiện cụ thể như sau:

Một là, tốc độ phát triển bình quân hàng năm của tài sản tại ngành toà án trong 5 năm (2013 đến hết 2017) khoảng 3,9%, trong 5 năm tăng 18,35%, trong khi đó số lượng vụ án tăng bình quân hàng năm khoảng 11%. Với quy mô ngày một lớn, tính chất phức tạp ngày càng tăng. Như vậy mức tăng về số lượng vụ án gấp ba lần tăng về tài sản phục vụ cho hoạt động của ngành.

Một số tài sản chưa được đầu tư xây dựng hoặc mua sắm để trang bị còn thấp so với tiêu chuẩn định mức sử dụng tài sản như: xe ô tô dùng chung toàn ngành đến nay chỉ có 43 chiếc; xe ô tô chuyên dùng còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức và thoả thuận của Bộ Tài chính là 26 chiếc chiếm 37,6% trên định mức đã được xác định. Phòng xử án chưa được tách riêng cũng ảnh hưởng nhiều đến công tác xử án. Thiết bị camera mới có 162 bộ duy trì suốt từ năm 2010 đến nay cũng là quá ít so với nhu cầu sử dụng của TAND tối cao, 64 TAND cấp tỉnh và khoảng 659 TAND cấp huyện... Trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn song hàng năm các vụ án được thụ lý đưa ra xét xử đều đạt trên 93% số vụ án phát sinh. Đây là một kết quả chứng minh sự cố gắng của toàn ngành, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của lãnh đạo TAND tối cao, TAND cấp tỉnh, huyện.

Thứ hai, đầu tư, mua sắm, quản lý sử dụng tài sản tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đầu tư, mua sắm, về chế độ quản lý, sử dụng TSC, cụ thể như sau:

- Diện tích nhà là trụ sở làm việc có những diện tích gắn với phục vụ xử án; không có diện tích sử dụng chuyên dùng cho việc xử án;

- Xe ô tô phục vụ cho các chức danh đúng với tiêu chuẩn, định mức do Thủ tướng chính phủ quy định cả về tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật và giá mua. Xe ô tô dùng chung chưa đủ theo tiêu chuẩn định mức sử dụng theo quy định của Thủ tướng chính phủ. Xe chuyên dùng chưa được mua sắm phù hợp với định mức sử dụng và thoả thuận của Bộ Tài chính.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Thực hiện đấu thầu chọn nhà thầu xây dựng, chọn nhà thầu cung cấp trang thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, phương tiện làm việc đều tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, về mua sắm tài sản. Đã áp dụng hình thức mua sắm tập trung cho TAND tối cao đứng ra mua sắm đối với tài sản là hệ thống thông tin; trang thiết bị, phương tiện làm việc trang bị cho cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức.

- Thực hiện chế độ sửa chữa, bảo trì tài sản hàng năm theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng TSC; pháp luật về quản lý Ngân sách nhà nước.

Thứ ba, Thực hiện phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho TAND cấp tỉnh, huyện trong đầu tư, mua sắm và quản lý, sử dụng TSC; cụ thể như sau:

- Giao quyền quyết định đầu tư xây dựng cơ bản các dự án nhóm C cho TAND cấp tỉnh,...

- Trao quyền quyết định mua sắm các tài sản cho TAND cấp tỉnh, huyện không thuộc phạm vi quyền hạn của quyết định của TAND tối cao;

- Trao quyền quyết định sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì TSC cho TAND cấp tỉnh, huyện. Trên cơ sở đó phát huy được trách nhiệm của TAND cấp tỉnh, huyện, các đơn vị sự nghiệp trong toàn ngành TAND; góp phần nâng cao hiệu lực quản lý; hiệu quả sử dụng tiền vốn và TSC.

Thứ tư; chỉ đạo xây dựng dữ liệu quốc gia (toàn ngành) về tài sản làm cơ sở cho quản lý, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản của TAND các cấp, các đơn vị sự nghiệp của ngành TAND; quản lý TSC chặt chẽ cả về số lượng và giá trị; ngăn ngừa sự thất thoát TSC.

### *2.3.2. Những hạn chế và tồn tại.*

Thực trạng quản lý TSC trong giai đoạn từ 2013 đến hết năm 2017 còn một số hạn chế và tồn tại trên các mặt cơ bản như sau:

Thứ nhất; Cơ chế quản lý TSC tuy đã được xác lập song vẫn còn những nội dung quy định chung chung, chưa cụ thể nhất là đối với các đơn vị dự toán cấp III như phạm vi phân cấp quyết định trong mua sắm TSC, vấn đề điều chuyển, bán, thanh lý TSC.v.v..

- Chưa ban hành và thực hiện quy chế quản lý, sử dụng TSC (quy chế) trong nội bộ toàn ngành; trên cơ sở đó thống nhất quy trình quản lý, chế độ sử dụng đối với một số tài sản chủ yếu có giá trị lớn và sử dụng phổ biến trong toàn ngành; cụ thể đối với các tài sản như sau:

- Nhà là trụ sở làm việc và nhà sử dụng vào các công năng khác; dẫn đến sự bị động trong việc bố trí phòng xử án cho các vụ án cụ thể;

- Xe ô tô phục vụ công tác bao gồm xe phục vụ các chức danh lãnh đạo, xe sử dụng chung, xe chuyên dùng chưa quy định chế độ sử dụng của mỗi loại xe; dẫn đến lấy xe chuyên dùng sử dụng vào xe dùng chung; Khi cần sử dụng xe chuyên dùng nhưng thiếu lại phải đi thuê; dẫn đến bị động và độ an toàn, tính kịp thời chưa chắc chắn; cá biệt có trường hợp làm tăng chi phí.

- Đối với hệ thống công nghệ sẽ phát sinh những trục trặc trong quá trình sử dụng, ảnh hưởng đến hiệu xuất, hiệu quả công tác.

Thứ hai; đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và nhà sử dụng vào các công năng khác, xe ô tô các loại còn thiếu so với nhu cầu sử dụng của toàn ngành; dẫn đến sử

dụng bị động, không đúng công năng hoặc không đúng mục đích khi được mua sắm; cụ thể như sau:

- Chưa đầu tư xây dựng phòng xử án độc lập;

- Mua sắm, trang bị xe ô tô sử dụng chung cho TAND cấp tỉnh còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức, cấp huyện chưa được trang cấp.

Thứ ba; Quản lý đất đai, trụ sở làm việc và nhà sử dụng vào các công năng khác chưa chặt chẽ và hạch toán kịp thời đầy đủ, cụ thể như sau:

- Chưa theo dõi, hạch toán tổng giá trị nhà, đất mặt khuôn viên của trụ sở làm việc và sử dụng vào các công năng khác;

- Hạch toán giá trị nhà các cấp còn chưa phù hợp với suất đầu tư/1m<sup>2</sup> xây dựng của nhà các cấp. Ví dụ suất đầu tư xây dựng nhà cấp 4 là: 3.132.512đ/1m<sup>2</sup>, trong khi đó nhà cấp 3 là: 3.252.265đ/1m<sup>2</sup>; nếu so với định mức suất đầu tư và thực tế xây dựng thì quan hệ giữa suất đầu tư nhà cấp 3 với nhà cấp 2 của ngành TAND là chưa thật hợp lý.

Thứ tư; Trong suốt giai đoạn từ năm 2010 đến hết năm 2017, ngành toà án chưa có một báo cáo chuyên đề về đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng TSC; trong các báo cáo tổng kết hàng năm cũng chỉ đề cập có tính chất thủ tục; chưa phân tích đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và tồn tại cần khắc phục.

Thứ năm; Hệ thống các chế độ tiêu chuẩn, định mức sử dụng TSC, đặc biệt là các phương tiện, trang thiết bị làm việc, phục vụ công tác quản lý chưa được đồng bộ, thống nhất, nhiều định mức chưa phù hợp với thực tiễn xây dựng và phát triển của ngành TAND.

Thứ sáu; Công tác giáo dục tuyên truyền nâng cao ý thức trong quản lý sử dụng TSC chưa được thật sự coi trọng. Tổ chức bộ máy quản lý TSC chưa được quan tâm kịp thời. Năng lực cán bộ làm công tác quản lý TSC chưa theo kịp yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

### *2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế và tồn tại.*

#### *2.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác quản lý TSC chưa được quan tâm đúng mức từ cơ cấu tổ chức bộ máy đến bố trí nhân sự làm công tác quản lý TSC. Phòng quản lý công sản ở TANDTC cũng như bộ phận quản lý công sản ở các toà địa phương mới thành lập chưa được kiện toàn đầy đủ.

- Nhận thức về quản lý TSC của các đơn vị và cá nhân vẫn bị ảnh hưởng bởi cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung trước đây bên cạnh đó công tác tuyên truyền giáo dục của các cấp chưa được chú ý.

- Lãnh đạo TAND tối cao, TAND cấp tỉnh chưa quan tâm đúng mức đến đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản của toàn ngành, cụ thể như sau:

- Hàng năm sau khi được Thủ tướng chính phủ, Bộ tài chính phân bổ dự toán ngân sách; TAND tối cao định hướng phân bổ ngân sách cho TAND cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện việc kiểm tra, giám sát đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản chưa được thường xuyên, chặt chẽ.

- Tập trung vào thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng đầu của ngành là thụ lý xử án. Lượng án ngày càng nhiều, quy mô ngày một lớn, tính chất phức tạp ngày một gia tăng; vì thế chưa có thời gian chăm lo việc quản lý, sử dụng tài sản - cơ sở vật chất phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành.

- Công tác thống kê, kiểm kê TSC chưa được thực hiện nghiêm nên các thông tin về TSC không đầy đủ và thống nhất. Chế độ báo cáo định kỳ về TSC chưa được thực hiện tốt từ biểu mẫu, cách tính các chỉ tiêu đến thời gian báo cáo...

- Chưa quan tâm bồi dưỡng, đào tạo tập huấn cho cán bộ công chức làm công tác quản lý tài chính, TSC của toàn ngành;

#### 2.3.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý nhà là trụ sở làm việc, phương tiện đi lại của ngành Toà án được thực hiện theo quy định của Thủ tướng chính phủ như các cơ quan hành chính nhà nước là chưa phù hợp bởi:

+ Về trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ như phòng họp, khu để xe ô tô, tiếp dân, khu vệ sinh... thì cơ quan TAND các cấp áp dụng tiêu chuẩn, định mức như các cơ quan hành chính nhà nước. Song ngành toà án từ TAND tối cao đến TAND cấp tỉnh, huyện đều có phòng xử án. Phòng xử án phải được thiết kế và xây dựng khác với phòng họp về quy mô, vị trí, diện tích các loại... vì thế tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc và nhà dùng vào các công năng khác (dùng vào xử án) không thể chỉ áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức do Thủ tướng chính phủ quy định chung cho cơ quan nhà nước. Áp dụng như vậy thì phòng xử án (Nhà xử án) luôn bị sử dụng vào các mục đích khác; dẫn đến thiếu ổn định và bị động, ảnh hưởng đến công tác xử án.

+ Về xe ô tô phục vụ công tác của TAND cấp tỉnh không thể trang bị như các Sở, ban, ngành của tỉnh vì tính chất, phạm vi và đặc điểm của ngành TAND khác với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước khác. Cơ quan TAND cấp huyện cũng cần được trang bị xe phục vụ công tác do tính chất hoạt động của cơ quan này quyết định.

## **Tiểu kết chương 2**

Từ thực trạng quản lý, sử dụng TSC ở ngành TAND trong những năm qua, luận án đã làm rõ đặc điểm tình hình nhiệm vụ ngành TAND có liên quan đến công tác quản lý TSC. Đồng thời luận án đã tập trung phân tích, làm rõ những kết quả đạt được trong quá trình quản lý TSC ở TANDTC; chỉ rõ những hạn chế bất cập trong quản lý TSC như: Hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng TSC chưa đồng bộ, thống nhất, ổn định; cơ chế quản lý TSC còn chung chung, chưa cụ thể đối với đơn vị dự toán cấp II, cấp III; phương thức mua sắm tập trung TSC chậm triển khai thí điểm và tổng kết rút kinh nghiệm; phương thức đơn vị tự mua sắm có khâu chưa được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ; công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao trách nhiệm quản lý TSC chưa được coi trọng; chưa phát huy được vai trò quan trọng của công tác kiểm tra, thanh tra TSC; đặc biệt là tổ chức bộ máy quản lý TSC chưa được xây dựng, củng cố, kiện toàn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý tài chính - tài sản. Luận văn đã xác định những nguyên nhân khách quan, chủ quan của những hạn chế trên, làm cơ sở nghiên cứu đề xuất các giải pháp tăng cường công tác quản lý TSC tại hệ thống TAND ở Việt Nam.



### Chương 3

## GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỆ THỐNG TAND Ở VIỆT NAM

### 3.1. Phương hướng tăng cường công tác quản lý tài sản công tại hệ thống Tòa án nhân dân ở Việt Nam

Là cơ quan xét xử cao nhất thuộc hệ thống cơ quan tư pháp của Nhà nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, TANDTC được nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng một khối lượng TSC rất lớn nhằm phục vụ đắc lực việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của toà án. Chính vì thế trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tòa án nhân dân tối cao (nhiệm kỳ 2015-2020) có chỉ rõ định hướng lãnh đạo công tác tài chính trong đó có công tác quản lý TSC ở tất cả các cơ quan đơn vị thuộc TANDTC.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội, Chánh án TANDTC đã ra chỉ thị về việc tiếp tục hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý TSC tại Tòa án nhân dân tối cao giai đoạn 2015-2020 với phương hướng chủ yếu sau đây:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng TSC. Trên cơ sở Luật Quản lý, sử dụng TSC, và hệ thống các văn bản pháp quy có liên quan của Chính phủ, TANDTC nghiên cứu ban hành các văn bản qui phạm pháp luật hướng dẫn, triển khai cụ thể và thống nhất về quản lý, sử dụng TSC trong phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc thù quản lý của ngành TAND, nhằm tạo khung pháp lý thống nhất, đồng bộ cho mọi hoạt động quản lý, sử dụng TSC trong ngành.

- Đổi mới cơ chế quản lý TSC tại các cơ quan, đơn vị thuộc TANDTC theo hướng phân cấp quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Coi trọng phân cấp quản lý ở TAND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tỉnh, huyện có đặc thù về điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng; các quận trung tâm của các thành phố lớn có địa bàn phức tạp...

- Tăng cường đầu tư nhằm từng bước hiện đại hoá công tác quản lý công sản. Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về toàn bộ TSC ở các cơ quan, đơn vị tiến tới hoà nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TSC. Các đơn vị phải xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm TSC và dự toán ngân sách hàng năm hợp lý, gắn với kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn và chương trình cải cách tư pháp đã được Đảng, Nhà nước xác định. Việc đầu tư, mua sắm và trang cấp TSC phải trọng tâm, trọng điểm.

Trước hết ưu tiên cho việc nâng cấp trụ sở làm việc, trang bị hệ thống máy tính hiện đại, đồng bộ và tiến tới xây dựng Trung tâm dữ liệu TSC ngành TAND.

- Đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát quản lý, sử dụng TSC bảo đảm đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức qui định, gắn với kiểm tra, thanh tra tài chính và phải trở thành chế độ quản lý cơ bản đối với các đơn vị.

- Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý công sản ở TANDTC và các cơ quan đơn vị trực thuộc theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu và hiệu quả, coi trọng đào tạo, bồi dưỡng trình độ cho cán bộ công chức quản lý TSC.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý TSC tại hệ thống TAND ở Việt Nam**

#### *3.2.1. Hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản lý TSC tại ngành TAND.*

3.2.1.1. Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng TSC thuộc phạm vi thẩm quyền của TANDTC.

Do công tác quản lý TSC ở nước ta còn là một lĩnh vực mới mẻ, lại ra đời và bước đầu phát triển trong điều kiện Nhà nước mới chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, xã hội. Hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng TSC chưa đồng bộ, thống nhất. Vì thế hoàn thiện, đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng TSC ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung, ở TANDTC nói riêng là vấn đề cấp thiết hiện nay trong lĩnh vực quản lý tài chính công. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định: Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện công việc được ngân sách cấp.

Có một cơ chế quản lý, sử dụng TSC đúng đắn sát với điều kiện tình hình kinh tế xã hội và phù hợp với chức năng, đặc điểm, nhiệm vụ, tổ chức biên chế của mỗi cơ quan, ngành và địa phương sẽ là điều kiện cơ bản để tổ chức thực hiện công tác quản lý, sử dụng TSC được thuận lợi, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Để tạo điều kiện về hành lang pháp lý cho công tác quản lý TSC những năm tiếp theo, TANDTC và ngành tài chính thuộc toà án cần chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt một số vấn đề quan trọng sau đây:

\* Chỉ đạo tổ chức phân cấp quản lý nhà nước đối với TSC tại các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc ngành phù hợp yêu cầu nhiệm vụ và trong phạm vi thẩm quyền được giao, đúng các qui định của Luật Quản lý, sử dụng TSC, Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp qui khác có liên quan của Bộ Tài chính mà trực tiếp là Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính. Điều kiện trước tiên

để tổ chức phân cấp quản lý, sử dụng TSC là nghiên cứu, quán triệt kỹ lưỡng các qui định pháp luật, đảm bảo đúng yêu cầu phân cấp quản lý, tránh chồng chéo hoặc thiếu chặt chẽ, không phù hợp với đặc điểm, điều kiện quản lý TSC ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trước hết về phân cấp mua sắm TSC: Khẩn trương hoàn thiện các qui định về thẩm quyền quyết định mua sắm TSC tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc toà án. Đối với những TSC qui định có khối lượng mua sắm nhiều, tổng giá trị mua sắm lớn có yêu cầu được trang bị đồng bộ, hiện đại nhất thiết phải thực hiện theo phương thức mua sắm tập trung theo qui định của Chính phủ. Chánh án TANDTC quyết định danh mục TSC mua sắm theo phương thức tập trung thuộc phạm vi quản lý. Khi các đơn vị được giao mua sắm tập trung cần thực hiện tốt các quy định về mua sắm tập trung của Bộ Tài chính và Cục Kế hoạch - Tài chính TANDTC.

Trường hợp TAND được giao NSNN để mua sắm, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ và nhu cầu thực tế, Chánh án TANDTC chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức mua sắm đúng qui định của pháp luật về đấu thầu mua sắm TSC. Cơ quan tài chính tham mưu giúp lãnh đạo toà án xây dựng tốt dự toán ngân sách hàng năm, tạo cơ sở cho việc tổ chức mua sắm TSC đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức qui định. Đồng thời tiến hành phân cấp cụ thể rõ ràng cho các cơ quan tổ chức đơn vị thuộc TAND tổ chức mua sắm một số TSC (như: các thiết bị nghe nhìn, bàn ghế...) do Chánh án giao thẩm quyền trách nhiệm.

Từ vấn đề trên, đề xuất phương án về thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm TSC như sau:

+ Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất: Chánh án TANDTC quyết định đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án nhóm B. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp II quyết định đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án nhóm C.

+ Đối với tài sản là phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác: Chánh án TANDTC phê duyệt kế hoạch mua sắm hàng năm, kế hoạch bổ sung của các đơn vị dự toán thuộc ngành TAND. Tổ chức mua sắm ô tô, máy móc thiết bị, tài sản khác có tính chất trang bị đồng loạt hoặc có tính chất đặc thù trong toàn ngành.

Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp II thuộc ngành TAND (như Văn phòng, các Vụ, TAND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) được Chánh án Toà án nhân dân tối cao uỷ quyền: Tổ chức thực hiện mua sắm theo kế hoạch được phê duyệt,

hoặc được uỷ quyền phê duyệt hoặc mua sắm các loại tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng /1đơn vị tài sản.

Đối với việc thuê trụ sở làm việc và tài sản khác phục vụ hoạt động của toà án: hiện tại và trong vài năm tới còn một số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc TANDTC thiếu trụ sở làm việc hoặc chưa được giao ngân sách đầu tư xây dựng mua sắm, cần xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng để lựa chọn phương án tốt nhất trong việc thuê trụ sở làm việc, tài sản khác trên cơ sở tính toán hiệu quả và chi phí thuê. Trong vấn đề này, cần hạn chế ít nhất trường hợp giao quyền cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm bảo đảm cho TANDTC quản lý toàn diện chặt chẽ và tiết kiệm ngân sách. Bởi lẽ, một trong vấn đề quan trọng là phải lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê trụ sở làm việc và giá thuê liên quan đến các hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm trực tiếp hoặc hình thức chỉ định. Trong khi đó, kinh phí thuê trụ sở làm việc được bố trí trong dự toán ngân sách giao cho TAND. Vì vậy việc TANDTC quản lý tập trung các trường hợp thuê trụ sở làm việc và các tài sản khác cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền là cần thiết. Theo đó, xin đề xuất phương án thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc như sau: Chánh án TANDTC phê duyệt các hợp đồng thuê của các đơn vị có giá trị từ 50 triệu đồng / tháng trở lên, còn các hợp đồng thuê có giá trị dưới 50 triệu đồng /tháng do thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp II phê duyệt đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

\* Xây dựng và thực hiện Quy chế Quản lý, sử dụng TSC gắn với Quy chế chi tiêu nội bộ trong phạm vi các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc ngành TAND.

TAND là cơ quan Nhà nước thuộc đối tượng áp dụng cơ chế tự chủ theo ND số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ qui định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các CQNN. Nguyên tắc chung của cơ chế tự chủ là bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không tăng biên chế và kinh phí (cả tiền và vật chất -TSC ). Đồng thời thực hiện công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức.

Để chủ động sử dụng kinh phí tự chủ được giao, quản lý sử dụng TSC đúng mục đích, tiết kiệm có hiệu quả, TANDTC có trách nhiệm xây dựng qui chế quản lý sử dụng TSC gắn với qui chế chi tiêu nội bộ, làm căn cứ cho cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện và Kho bạc nhà nước kiểm soát chi. Qui chế quản lý, sử dụng TSC và qui chế chi tiêu nội bộ do Chánh án TANDTC ban hành sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ quan và phải được công

khai trong toàn cơ quan để theo dõi giám sát. Việc xây dựng qui chế quản lý, sử dụng TSC và qui chế chi tiêu nội bộ cần tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực sau:

- + Quản lý phân bổ kinh phí, sử dụng văn phòng phẩm và các trang thiết bị văn phòng trong các Vụ, Cục, Phòng, Ban thuộc các cấp toà án.

- + Cử cán bộ đi công tác trong nước, chế độ thanh toán công tác phí, chế độ sử dụng phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác.

- + Quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại công vụ tại cơ quan cho từng đầu máy điện thoại hoặc từng đơn vị trong toà án, tiêu chuẩn định mức sử dụng, thanh toán cước phí điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với các cán bộ lãnh đạo trong cơ quan.

- + Quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí sử dụng ô tô, xăng dầu theo từng Vụ, Cục, Phòng, Ban thuộc các cấp toà án.

- + Quản lý và sử dụng máy điều hoà nhiệt độ, sử dụng điện thắp sáng.

Khi xây dựng Qui chế quản lý, sử dụng TSC và Qui chế chi tiêu nội bộ toà án phải căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành; quá trình thực hiện có kiểm tra, giám sát thường xuyên, nếu có vi phạm, thiếu sót phải được chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.

- + Phân cấp công tác bảo dưỡng, sửa chữa TSC cho các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc ngành TAND, gắn liền với trách nhiệm cụ thể.

Về vấn đề này, luận văn đề xuất phương án như sau: Thời gian vào ngày 30/5 hàng năm, thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp III căn cứ vào tình trạng trụ sở, trang thiết bị và thời gian sử dụng theo qui định, lập hồ sơ, thiết kế, dự toán bảo trì, trùng tu, sửa chữa gửi về đơn vị dự toán cấp II để kiểm tra và tổng hợp báo cáo TANDTC để xem xét duyệt cấp kinh phí.

- \* Hoàn thiện các qui định về thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết một số trường hợp đặc biệt trong quản lý, sử dụng TSC tại ngành TAND.

Căn cứ vào các văn bản pháp qui của Nhà nước, Chính phủ và Bộ Tài chính, TANDTC khi xác lập phạm vi thẩm quyền và trình tự thủ tục pháp lý giải quyết các trường hợp đặc biệt nêu trên cần chú ý một số điểm quan trọng sau:

- + Đối với trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất ) của toà án thuộc phạm vi thu hồi TSC, toà án cần phải rà soát tính toán kỹ lưỡng trước khi đề nghị Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi. Muốn vậy, phải thường xuyên xem xét đánh giá hiệu quả sử dụng các tài sản đó trên nhiều mặt làm

cơ sở cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trình cấp trên và Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi.

+ TSC thuộc các trường hợp phải điều chuyển theo luật định, cần thiết phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục, hồ sơ chủ yếu sau: Công văn đề nghị chuyển tài sản của toà án, công văn đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận tài sản, ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính, danh mục đề nghị tài sản được điều chuyển.

Khi có quyết định điều chuyển tài sản của Bộ Tài chính, TANDTC chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhận tài sản điều chuyển tổ chức bàn giao, tiếp nhận TSC, đồng thời thực hiện hạch toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản theo chế độ qui định. Về thẩm quyền điều chuyển TSC nên phân cấp như sau: Chánh án TANDTC quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong ngành Toà án, trừ các loại tài sản theo thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp II thuộc ngành TAND được quyền điều chuyển tài sản trong nội bộ đơn vị thuộc phạm vi quản lý (Trừ nhà, đất, ô tô).

+ Đối với trường hợp bán TSC, TANDTC cần nắm vững thẩm quyền của mình trong việc quyết định bán tài sản không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất thuộc phạm vi quản lý của Toà án bao gồm phương tiện vận tải, trang thiết bị, ... phục vụ hoạt động của Toà án.

Muốn vậy, cần chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét, đánh giá chính xác tính không hiệu quả hoặc không còn nhu cầu sử dụng của các tài sản dự kiến bán. TANDTC không nên phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

Bán TSC khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là vấn đề phức tạp liên quan đến các qui định của nhiều loại pháp luật, vì vậy TANDTC cần nắm vững qui định về các trường hợp được phép bán, thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền quyết định bán, phương thức bán TSC, đặc biệt là thực hiện đúng trình tự, thủ tục bán TSC. Cơ quan tài chính ngành TAND phải theo dõi hạch toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động TSC theo qui định.

+ Đối với các trường hợp thanh lý TSC, cần thiết phải xác định rõ phạm vi phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý TSC thuộc phạm vi quản lý, căn cứ vào số lượng và giá trị các loại TSC thuộc diện thanh lý. TSC được thanh lý theo 2 phương thức: Phương thức bán TSC và phương thức phá dỡ, huỷ bỏ TSC. Việc xác định chính xác đúng qui định về nguyên giá TSC, giá khởi điểm, giá bán, tổ chức đấu thầu hoặc

đầu giá thanh lý TSC là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng trong quản lý sử dụng TSC. Vì vậy, xin đề xuất phương án phân cấp thẩm quyền thanh lý TSC như sau:

Chánh án TANDTC cao quyết định thanh lý: Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo qui hoạch của Nhà nước; nhà, công trình xây dựng khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng bị hư hỏng không sử dụng được và các loại tài sản có nguyên giá là 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản; xe ô tô các loại; xe máy các loại; Đối với tài sản khác, nên được phân cấp như sau: Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II quyết định thanh lý các loại tài sản còn lại của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Còn thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp III chỉ có quyền hạn và trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định thanh lý của cấp có thẩm quyền đối với các loại tài sản của đơn vị thuộc phạm vi quản lý

### 3.2.1.2. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn định mức sử dụng TSC

Hiệu quả sử dụng tài sản công, chất lượng quản lý tài sản công phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó có hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công cả về mặt hiện vật và giá trị. Nếu hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được xây dựng một cách khoa học, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện sử dụng của các cơ quan Nhà nước, sẽ góp phần nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng TSC ở mỗi đơn vị.

Để xây dựng hệ thống định mức trong thời gian tới, TANDTC cần tập trung làm tốt việc xây dựng Đề án trang bị phương tiện làm việc. TANDTC cần phối hợp với Bộ Tài chính chỉ đạo Cục Kế hoạch -Tài chính, Văn phòng và các cơ quan chức năng liên quan nghiên cứu sớm xây dựng Đề án trang bị phương tiện làm việc của ngành TAND trong giai đoạn 2015-2020, nhằm tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm quá trình đầu tư kinh phí mua sắm, trang cấp các phương tiện, trang thiết bị làm việc của ngành được tiến hành thuận lợi trên cơ sở một hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng TSC đồng bộ, thống nhất.

Đề án gồm hai nội dung: một là, rà soát, đánh giá chính xác thực trạng về tổ chức bộ máy, biên chế, trang bị phương tiện làm việc của toàn hệ thống TAND, nhằm loại bỏ những tiêu chuẩn định mức đã quá lạc hậu, hoặc bổ sung, điều chỉnh những định mức chưa phù hợp. Hai là, tính toán xác định nhu cầu về trang bị, phương tiện làm việc cho hệ thống TAND giai đoạn mới. Xây dựng hệ thống, tiêu chuẩn, định mức hoàn chỉnh, ổn định về trang bị phương tiện và nguồn kinh phí thực hiện.

Để tiếp tục hoàn thiện phương thức mua sắm tập trung đối với TSC từ nguồn NSNN ở TAND tối cao, cần quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng:

-Phương thức mua sắm tập trung chỉ nên áp dụng tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

-Đối tượng áp dụng là loại tài sản có số lượng mua sắm nhiều, tổng giá trị mua sắm lớn, yêu cầu được trang bị đồng bộ, hiện đại.

### 3.2.2. *Nâng cao hiệu lực của cơ chế quản lý TSC tại hệ thống TAND*

Tại thời điểm hiện nay nhiều cơ chế, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý TSC trong các CQNN đã được ban hành nhưng khi thực hiện lại không thành công hoặc gặp rất nhiều trở ngại. Trong tình hình hiện nay, khi các hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong quản lý TSC tại các CQNN đang trở thành một vấn đề nổi cộm thì việc nâng cao hiệu lực cơ chế quản lý TSC trong các CQNN nhằm góp phần quan trọng vào việc chống tham nhũng là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Để nâng cao hiệu lực cơ chế quản lý TSC tại ngành TAND cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

3.2.2.1. Thường xuyên tổ chức học tập, phổ biến tuyên truyền cơ chế quản lý, sử dụng TSC .

Trong thời gian vừa qua, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành trong đó có ngành TAND và các phương tiện thông tin đại chúng, công tác tuyên truyền pháp luật nói chung, pháp luật về quản lý TSC trong các CQNN nói riêng có nhiều chuyển biến tích cực cả về nội dung và hình thức tuyên truyền, từ đó đã góp phần quan trọng đưa pháp luật vào cuộc sống. Thực tế cho thấy: để một đạo luật đi vào cuộc sống, đáp ứng được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, công tác tuyên truyền giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, công tác tuyên truyền phải đi trước và cũng cần có một lượng kinh phí để triển khai. Vì vậy, công tác tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến tuyên truyền các cơ chế quản lý TSC tại các đơn vị trong ngành TAND được xác định có vai trò hết sức quan trọng, là việc làm rất tốn thời gian và kinh phí. Việc tổ chức học tập cần phải thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

\* *Một là, Xác định mục đích của việc tuyên truyền học tập.*

- Nâng cao nhận thức của các cơ quan, các đoàn thể, các cán bộ công chức và mọi người dân trong xã hội về sự cần thiết phải hoàn thiện cơ chế quản lý TSC trong các CQNN, mục tiêu yêu cầu, các nội dung cơ bản của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để tạo ra sự đồng thuận và ủng hộ của mọi người.

- Nâng cao ý thức tự giác trong việc tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý TSC, phát hiện và lên án những hành vi, hoạt động vi phạm



pháp luật về quản lý TSC. Đưa việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng TSC trở thành nhu cầu tất yếu của mỗi tổ chức, mỗi cán bộ công nhân viên chức, trong đơn vị .

- Nâng cao hiệu lực trong việc thực hiện pháp luật quản lý TSC trong các đơn vị tại ngành TAND thông qua việc tổ chức thực tại các đơn vị

\* *Thứ hai*, Đặt ra yêu cầu của việc tuyên truyền học tập.

- Việc tuyên truyền học tập pháp luật, cơ chế quản lý TSC trong các CQNN cần phải huy động được rộng rãi các cơ quan quản lý Nhà nước, các đoàn thể, các cá nhân và các cơ quan báo chí cùng tham gia .

- Cần sử dụng đa dạng, linh hoạt các hình thức tuyên truyền có tính giáo dục, thuyết phục cao.

- Hoạt động tuyên truyền phải được thực hiện theo một kế hoạch và nội dung thống nhất từ trước, phải có sự phân công trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, đơn vị trong việc tuyên truyền, giáo dục

\* *Thứ ba*, Xây dựng nội dung của công tác tuyên truyền, học tập.

- Trước hết cần tuyên truyền giúp cho các cơ quan và mọi người thay đổi nhận thức, tư duy về quản lý, sử dụng TSC.

- Tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu những nội dung cơ bản của luật và các cơ chế về quản lý TSC trong các CQNN như: chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng TSLV, TSLV, PTĐL... trong đó cần làm rõ những điểm mới của pháp luật và cơ chế quản lý TSC hiện hành

- Thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác nội dung những văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của BTC và ngành TAND đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến TSC.

- Thành lập tổ chuyên gia hướng dẫn, giải đáp kịp thời các vướng mắc của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện. Phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện cơ chế quản lý TSC tại các toà án trong cả nước.

- Kịp thời phát hiện và tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong việc tổ chức triển khai thi hành, có hình thức khen thưởng kịp thời với những cá nhân, các cơ quan chấp hành tốt cơ chế quản lý TSC, phê phán những quan điểm, tư tưởng sai lệch, kỉ luật những hành vi vi phạm như: mua sắm, trang bị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức; sử dụng TSC không đúng mục đích, tiêu cực trong đầu tư mua sắm TSC.

*Thứ tư*, Hình thức tuyên truyền.

- Tổ chức các lớp học tập trung: tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện các cơ chế quản lý TSC cho các cán bộ làm công tác quản lý TSC tại các đơn vị trong toàn ngành. Tập trung bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên ở cả Trung ương và địa phương. Báo cáo viên của Phòng Công sản phổ biến cho các cơ quan, đơn vị ở các cơ quan tại TANDTC; Báo cáo viên của phòng Tài chính phổ biến cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương mình.

- Tuyên truyền, phổ biến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài phát thanh, đài truyền hình trung ương và địa phương:

+ Công bố toàn văn hoặc những nội dung chính của luật và cơ chế, chính sách quản lý TSC trong các CQNN.

+ Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu các cơ chế, chính sách quản lý TSC trong các CQNN tại đơn vị và trên tạp chí ngành để tuyên truyền kịp thời và thường xuyên về vấn đề này trong cán bộ, công chức của toàn ngành.

#### 3.2.2.2. Triển khai thực hiện cơ chế quản lý, sử dụng TSC trong ngành TAND.

Việc tổ chức thực hiện có ý nghĩa quyết định trong tất cả các khâu của quá trình thực hiện, đưa luật và cơ chế, chính sách quản lý TSC trong các CQNN vào cuộc sống. Đây cũng là khâu khó khăn nhất, dễ nảy sinh những khiếm khuyết và bất cập. Nếu việc học tập, quán triệt, phổ biến tuyên truyền không được làm tốt, làm kỹ thì đến khâu này sẽ nảy sinh vướng mắc, dẫn đến tình trạng cơ chế, chính sách đã có quy định cụ thể nhưng đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện không đúng. Để tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Cần có sự thống nhất về quan điểm, nhận thức, có quyết tâm cao trên cơ sở học tập, quán triệt đầy đủ các nội dung chủ yếu của cơ chế, chính sách quản lý TSC trong đơn vị của ngành TAND.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung cụ thể triển khai các cơ chế, chính sách quản lý TSC. Chương trình, kế hoạch phải thiết thực, có tính khả thi, tránh hình thức. Khi xây dựng chương trình cần xác định rõ nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, các vấn đề quan trọng, bức xúc cần giải quyết, phân công đơn vị, cá nhân thực hiện, kế hoạch về thời gian.

- Trong quá trình tổ chức cần lựa chọn, phân công cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phụ trách chương trình, kế hoạch triển khai. Phân công nhiệm vụ, làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc triển khai thực hiện.

3.2.2.3. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện cơ chế, chính sách quản lý TSC trong ngành TAND.

Việc đánh giá, sơ kết về công tác quản lý, sử dụng TSC cần được tổ chức thường xuyên ở các đơn vị được giao quản lý TSC. Cứ 5 năm, các đơn vị tổ chức tổng kết việc thực hiện cơ chế, chính sách quản lý TSC. Xây dựng kế hoạch, nội dung, phạm vi, đối tượng, phương pháp, tiến độ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan tham gia trước khi tổng kết.

Tổng kết cần phải đánh giá quá trình tổ chức triển khai cơ chế, chính sách quản lý TSC, chú trọng đánh giá hiệu lực của các cơ chế, chính sách đã được ban hành. Các cơ quan quản lý TSC phải sử dụng các chỉ tiêu đánh giá hiệu lực cơ chế, chính sách quản lý TSC để đánh giá những kết quả đạt được, những mặt còn tồn tại, nguyên nhân chủ quan, khách quan và đề ra những biện pháp sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách quản lý TSC ở đơn vị cho phù hợp. Nhân rộng các gương điển hình có thành tích, sáng kiến trong công tác quản lý TSC, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm. Truy cứu trách nhiệm đối với những đơn vị và cá nhân có liên quan đến sai phạm.

3.2.3. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về quản lý TSC trong hệ thống TAND.*

Công tác tuyên truyền, giáo dục có vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phổ biến và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Trong lĩnh vực quản lý tài chính công, quản lý, sử dụng TSC ở các cơ quan nhà nước, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm, ý thức làm chủ tập thể, quý trọng và giữ gìn, bảo vệ của công đối với cán bộ, công chức nhà nước càng trở nên cần thiết.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, và lãnh đạo TANDTC, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, phổ biến pháp luật trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Toà án được tiến hành định kỳ, có kế hoạch với hình thức, nội dung và biện pháp tương đối phong phú, đem lại những hiệu quả nhất định. Cán bộ, công chức ở TAND các cấp nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác quản lý, sử dụng TSC; ý thức trách nhiệm chấp hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức về TSC được nâng lên; các định mức sử dụng về phương tiện đi lại, điện thấp sáng, điện thoại công vụ, trụ sở làm việc công tác bảo dưỡng sửa chữa,... được tôn trọng thực hiện.

Tuy nhiên, thực tế ở các đơn vị thuộc ngành TAND cho thấy: Hiệu quả công tác giáo dục tuyên truyền, xây dựng ý thức làm chủ tập thể bảo vệ TSC chưa cao; nội dung và hình thức, phương thức biện pháp tuyên truyền giáo dục đơn điệu chưa tạo nề nếp thói quen tâm lý, văn hoá sử dụng TSC, chưa gắn với các biện pháp hành chính và kinh tế. Để khắc phục tình trạng trên và góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quản lý sử dụng TSC ở TANDTC, cần tập trung làm tốt một số vấn đề chủ yếu sau:

- Cần giáo dục và tuyên truyền cho mọi cá nhân và đơn vị trong toàn ngành thay đổi nhận thức về quản lý TSC. Là TSC nhưng đã được giao cho cá nhân và đơn vị sử dụng vì vậy mọi người phải xác định trách nhiệm từ khâu mua sắm, sử dụng và bảo quản, tránh tình trạng của chung không ai tiếc như trước đây trong việc quản lý TSC.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động trong đó Cục Kế hoạch tài chính chủ trì, nhằm đẩy mạnh công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục, pháp luật (về quản lý sử dụng TSC).

Muốn vậy phải thường xuyên đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp tuyên truyền giáo dục phù hợp với từng đối tượng. Tránh tình trạng tuyên truyền giáo dục chung chung, khô khan, máy móc. Mục đích cuối cùng của tuyên truyền giáo dục là phải làm cho mọi người nhận thức rõ trách nhiệm của mình và chấp hành tốt chế độ quản lý sử dụng TSC, nêu cao ý thức giữ gìn và bảo vệ của công, tích cực đấu tranh phòng và chống tham ô, tham nhũng, lãng phí.

- Trong xây dựng qui chế quản lý sử dụng TSC phải có những điều khoản xác định rõ và cụ thể trách nhiệm của tổ chức cá nhân gắn với chế độ thưởng phạt nghiêm minh, coi đó là một trong các tiêu chuẩn đánh giá cán bộ công chức trong giai đoạn mới.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả thiết thực các phong trào thi đua quản lý, sử dụng TSC tốt trong tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Định kỳ và hàng năm có tiến hành sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác tuyên truyền giáo dục và công tác quản lý sử dụng TSC.

*3.2.4. Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực bộ máy quản lý TSC tại hệ thống TAND ở Việt Nam.*

Có thể thấy toàn bộ hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng TSC chủ yếu do cơ quan tài chính mà trực tiếp là bộ máy chuyên trách quản lý TSC ở các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

Đây là tổ chức có vai trò rất quan trọng trong quản lý tài chính công nói chung, trong đó có quản lý TSC. Nếu tổ chức bộ máy này được xây dựng, hoàn thiện và kiện toàn kịp thời, đồng bộ với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn rõ ràng, đủ mạnh, sẽ bảo đảm cho công tác quản lý, sử dụng TSC ở tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị được chặt chẽ đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm và hiệu quả.

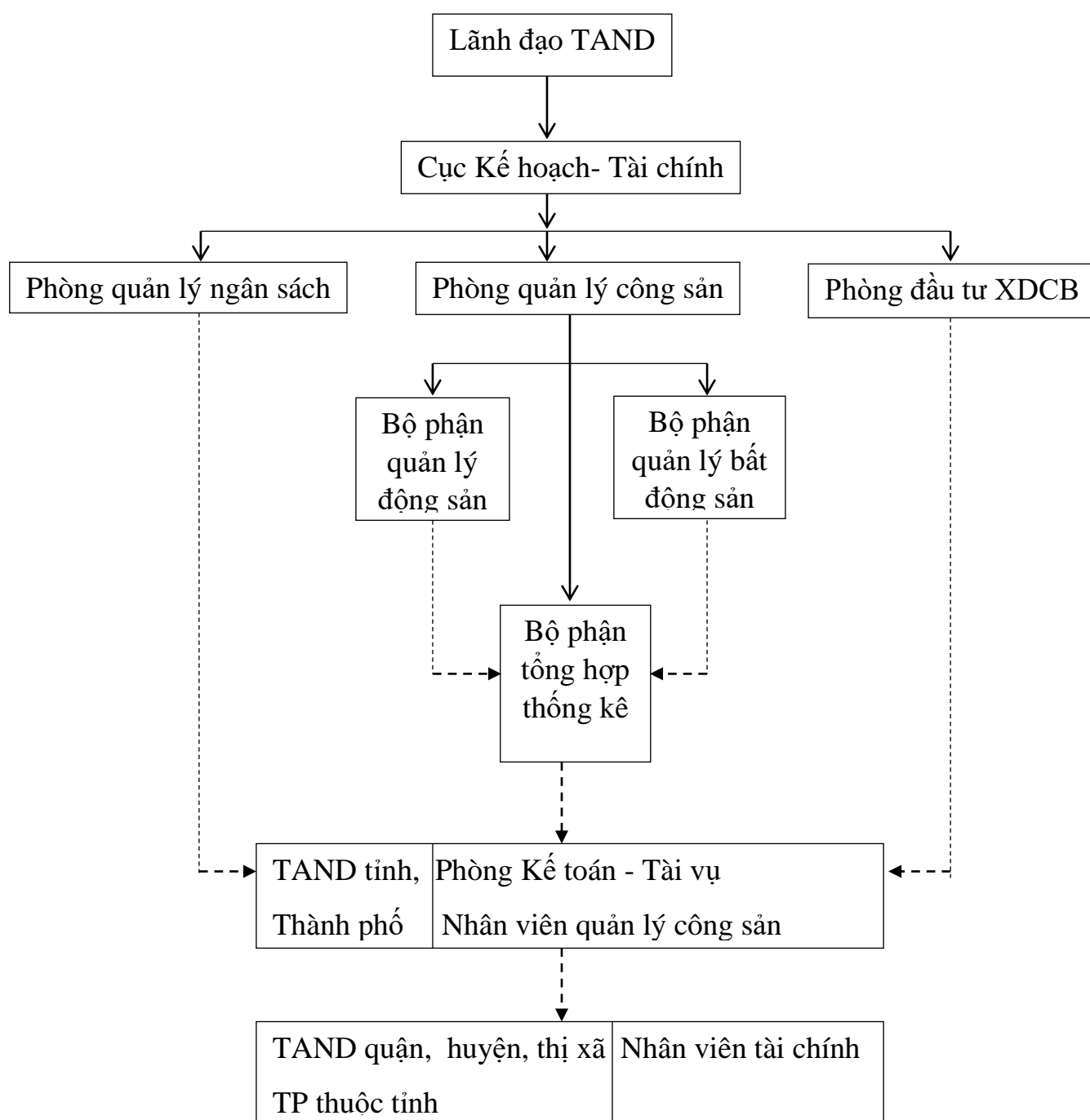
Đối với hệ thống TAND những năm qua, công tác xây dựng và kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý TSC cũng trong tình trạng nêu trên. Tòa án chưa thành lập cơ quan quản lý công sản chuyên trách, vì thế trong hoạt động quản lý, sử dụng TSC do một đồng chí quản lý ngân sách kiêm nhiệm. Điều đó dẫn đến việc xác định chức năng, nhiệm vụ về quản lý TSC không rõ ràng cụ thể, chưa có tính chuyên nghiệp, ảnh hưởng đến vai trò tham mưu của Cục kế hoạch - Tài chính giúp lãnh đạo TANDTC trong quản lý, sử dụng TSC toàn ngành TAND.

Để góp phần hoàn thiện, tăng cường công tác quản lý TSC ở ngành TAND trong thời gian tới, một trong những giải pháp quan trọng là phải khẩn trương xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý TSC ở các vấn đề chủ yếu sau:

- Trước hết, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tình hình tài sản và yêu cầu quản lý TSC, TANDTC chỉ đạo Vụ tổ chức cán bộ phối hợp và Cục Kế hoạch - Tài chính kiện toàn lại Phòng Quản lý công sản với tổ chức biên chế hợp lý, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý công sản do Bộ Tài chính ban hành. Về cơ cấu tổ chức Phòng Quản lý công sản nên bố trí theo hướng thành lập 3 bộ phận: bộ phận quản lý đất đai, trụ sở làm việc (bất động sản); bộ phận quản lý phương tiện đi lại, trang thiết bị làm việc (động sản) và bộ phận quản lý tổng hợp thống kê.

Mô hình phòng quản lý công sản ở TANDTC có thể như sau:

**Sơ đồ 3.1. Mô hình phòng quản lý công sản TANDTC**



---> Quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ

—> Quan hệ lãnh đạo, chỉ huy

Tuy nhiên, sẽ có quan điểm cho rằng tăng biên chế nhà nước là không phù hợp với chủ trương tinh giảm biên chế hiện nay trong các CQNN. Song vấn đề ở chỗ: Tinh giảm biên chế là vừa giảm, vừa tinh, vừa điều chuyển số biên chế hiện có giữa các ngành, các bộ phận sao cho phù hợp với nhiệm vụ. Đối với ngành tài chính, trong điều kiện hiện nay, cần tăng biên chế một cách hợp lý cho công tác quản lý

TSC là rất cần thiết, do chính thực tiễn hoạt động quản lý TSC ở các cơ quan nhà nước nói chung, nói riêng đòi hỏi.

- Quản lý, sử dụng TSC là một nội dung quan trọng của quản quản lý tài chính công. Cải cách hoạt động tài chính công là xu hướng phổ biến của các nước có liên quan mật thiết với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Cải cách tài chính công ở nước ta gắn liền với mục tiêu thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc cải cách hành chính nhà nước, vừa phải phù hợp với yêu cầu của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ những thực tiễn trên, xét ở phương diện tổ chức bộ máy nhà nước công quyền việc hoàn thiện, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý TSC ở ngành TAND phải đạt được yêu cầu là bảo đảm cho bộ máy hành chính hoạt động tốt hơn (trung thực, minh bạch, gần dân, không cửa quyền, không tham nhũng), chuyên nghiệp hơn. Bởi vì, hoạt động của tài chính - tài sản công không chỉ có tác dụng cung cấp nguồn lực tài chính, tài sản cho bộ máy công quyền hoạt động, mà điều quan trọng là phải thông qua hoạt động tài chính - tài sản công để có tác động mạnh mẽ đến việc điều chỉnh tổ chức và tính hiệu quả của hoạt động bộ máy.

- Tòa án cần nghiên cứu đề nghị Nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập một số tổ chức dịch vụ, tư vấn phục vụ cho nhiệm vụ quản lý TSC của Tòa án bao gồm:

+ Trung tâm định giá tài sản, bán đấu giá tài sản: Trung tâm có nhiệm vụ định giá bất động sản (cả đất đai) và tài sản, tư vấn cho cơ quan Nhà nước, cho Tòa án trong việc mua bán, chuyển nhượng tài sản, bất động sản; giải quyết các tranh chấp về tài sản...

+ Công ty bảo trì TSC: Công ty này thực hiện bảo dưỡng, duy trì trụ sở làm việc và các tài sản khác theo cơ chế khoán gọn trong vài năm, thay cho cơ chế sửa chữa, duy trì bảo dưỡng tự thuê mướn hoặc đấu thầu từng phần hiện nay.

- Một vấn đề rất quan trọng hiện nay để hoàn thiện, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý TSC ở TANDTC là: khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý TSC ở tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền. Muốn vậy, cần làm tốt một số biện pháp cơ bản sau:

+ Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo dài hạn và hàng năm số cán bộ chuyên trách quản lý TSC trong phạm vi quy hoạch cán bộ nói chung của Tòa án, vừa đảm bảo yêu cầu lâu dài, vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý tài chính - tài sản Nhà nước trước mắt. Tòa án cần đầu tư thích đáng cả về kinh phí và nhân lực cho công tác quan trọng này.

+ Để thực hiện hiệu quả, có thể sử dụng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau như: kết hợp gửi đi học tập chính quy tại các nhà trường, cơ sở đào tạo quốc gia với tổ chức lớp học tại chức tại đơn vị; định kỳ tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; tự nghiên cứu học tập, quán triệt tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ quy định của Chính phủ, Bộ tài chính và của TANDTC có liên quan tới lĩnh vực quản lý tài chính - tài sản Nhà nước (như: Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng TSC, các Nghị định của Chính phủ; Thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính có liên quan...) Đặc biệt là thực hiện tốt cuộc vận động: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, gắn sát với công tác quản lý tài chính - tài sản ở đơn vị; qua đó nâng cao trách nhiệm và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý TSC.

- Một trong những yêu cầu cơ bản và là biện pháp rất quan trọng nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng TSC tại ngành TAND nói riêng, các cơ quan Nhà nước nói chung, đó là: đẩy nhanh việc hiện đại hoá công tác quản lý TSC tại ngành TAND hiện nay. Hiện đại hoá công tác quản lý TSC phải bảo đảm tốt các yêu cầu:

Quản lý, theo dõi TSC cả về giá trị và hiện vật, nguồn hình thành nên tài sản. Thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời các tài liệu, số liệu liên quan đến đầu tư mua sắm, bảo quản, sửa chữa tài sản hệ thống các tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản và tình hình chấp hành các chính sách, chế độ quy định trong quản lý, sử dụng tài sản, kể cả các trường hợp xử lý tài sản (như: thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản...)

Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời những thông tin cần thiết về TSC và quản lý, sử dụng TSC, phục vụ hiệu quả cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động quản lý, sử dụng, kiểm tra giám sát TSC ở tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ngành TAND.

Hệ thống dữ liệu về TSC và quản lý TSC ở TANDTC phải hoà nhập trong hệ thống dữ liệu TSC quốc gia.

Để đáp ứng những yêu cầu trên, cần tập trung giải quyết tốt những vấn đề sau đây:

+ Rà soát, kiểm tra, đánh giá thực trạng và chất lượng toàn bộ hệ thống máy vi tính, các trang thiết bị khác phục vụ trực tiếp công tác quản lý TSC. Trên cơ sở đó, trang bị mới thêm máy vi tính có tính năng, tác dụng phù hợp với yêu cầu quản lý.



+ Xây dựng phần mềm quản lý TSC, hướng dẫn áp dụng, thực hiện đồng bộ, thống nhất cho tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Toà án; trong đó coi trọng việc hạch toán kế toán tài sản cố định.

+ Đầu tư và có kế hoạch, biện pháp cụ thể bồi dưỡng trình độ tin học và các công cụ hỗ trợ công nghệ khác cho đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý TSC.

+ Nghiên cứu, nhanh chóng xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu về TSC của TANDTC để có thể bao quát một cách hệ thống toàn bộ hệ thống TSC của Toà án; thực hiện công khai và minh bạch hoá các số liệu về tài sản và cung cấp thông tin TSC phục vụ chủ trương “Vốn hoá” TSC khi có yêu cầu của Chính phủ, Bộ Tài chính.

Những vấn đề và giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý TSC và hiện đại hoá công tác quản lý TSC ở ngành TAND nêu trên cần thiết phải có sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của Ban cán sự Đảng, Chánh án, các cấp toà của các cấp uỷ Đảng và lãnh đạo các Vụ, Phòng, Ban chức năng thuộc Toà án; coi đây là yếu tố quyết định bảo đảm cho ngành tài chính nói chung, cơ quan quản lý công sản nói riêng hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

### **3.3. Kiến nghị**

#### *3.3.1. Với Chính phủ*

- Cần có một tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản công, từ đó sửa đổi hoàn thiện nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế của Luật hiện hành, bảo đảm Luật quản lý, sử dụng tài sản công phù hợp với điều 53 Hiến pháp năm 2013, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan.

Theo học viên, Luật quản lý, sử dụng tài sản công cần phải sửa đổi và bổ sung một số vấn đề cơ bản sau:

+ Trong đầu tư mua sắm cần quy định cụ thể, chi tiết ngay trong Luật từ thẩm quyền quyết định, hình thức mua sắm và các quy định trong mua sắm tài sản công.

+ Đối với việc xử lý tài sản công cần quy định rõ ràng chi tiết hơn từ các trường hợp cần xử lý, quy định về quy trình xử lý, hạch toán chi phí và kết chuyển thu nhập từ xử lý đó như thế nào.

+ Cần có quy định cụ thể hơn về xử lý tài sản bị tịch thu trong quá trình xét xử vụ án, vật chứng trong quá trình thụ lý vụ án .v.v.. Hiện nay quy định về vấn đề này chưa rõ ràng, cụ thể nên việc xử lý ở hệ thống TAND gặp khó khăn.

- Nghiên cứu và ban hành khung khổ pháp lý cho việc mua sắm tập trung, từ tổ chức bộ máy và con người có tính chất chuyên nghiệp đến cách thức và quy trình mua sắm.

- Sửa đổi, hoàn thiện và công khai hệ thống tiêu chuẩn định mức nhà làm việc, phương tiện đi lại, thiết bị văn phòng.v.v., có tính đến đặc thù của mỗi cơ quan Nhà nước.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, một mặt vừa cung cấp thông tin về tài sản công, quản lý tài sản công của cả nền kinh tế cũng như của mỗi cơ quan Nhà nước, đồng thời qua đó thông tin về cơ chế chính sách, tình hình quản lý, sử dụng tài sản công từ mua sắm, bán, điều chuyển, thanh lý được công khai hoá.

- Kiện toàn bộ máy quản lý tài sản công từ Trung ương đến các Bộ, ngành và địa phương, là cơ sở để các cơ quan Nhà nước có tổ chức và biên chế con người làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản công phù hợp.

### *3.3.2. Với Bộ Tài chính*

- Cục Quản lý công sản cần tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương, trong đó có TAND tối cao thành lập hoặc củng cố kiện toàn các phòng quản lý công sản và thống nhất chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này.

- Triển khai phần mềm quản lý tài sản công đến tất cả các cơ quan Nhà nước có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

- Thống nhất tên gọi, những tiêu thức cụ thể để phân loại tài sản giúp cho việc phân loại tài sản công được thống nhất.

- Hỗ trợ kinh phí và đào tạo nhân lực, công nghệ cho TAND tối cao trong hệ thống quản lý ngân sách (hệ thống TAMIS) đang triển khai trong toàn quốc.

- Cần tổng kết rút kinh nghiệm và chỉ đạo thực hiện phương thức mua sắm tập trung tài sản công làm cơ sở cho Chính phủ sửa đổi quy định về mua sắm tập trung theo Luật Ngân sách sửa đổi 2015.

## KẾT LUẬN

TSC giữ vị trí là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh nước ta. Việc quản lý, sử dụng TSC tiết kiệm, hiệu quả có ý nghĩa kinh tế - chính trị - xã hội to lớn.

Trong điều kiện nước ta đang tích cực chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, lĩnh vực quản lý tài chính công và quản lý TSC cũng đang được đổi mới và đạt được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ, vẫn còn nhiều hạn chế và có những khó khăn, thách thức lớn. Vì thế, quan tâm hoàn thiện công tác quản lý TSC tại các cơ quan nhà nước càng thể hiện rõ vai trò, ý nghĩa quan trọng của nó trong quá trình phát triển lĩnh vực quản lý TSC ở nước ta hiện nay

Trên cơ sở nghiên cứu những luận cứ khoa học về quản lý TSC và thực trạng quản lý TSC tại ngành TAND giai đoạn 2013-2017, luận văn đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý TSC tại ngành TAND. Kết quả chính của luận văn gồm:

1. Hệ thống hoá một số lý luận cơ bản về TSC và quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước; xây dựng khái niệm quản lý TSC; xác định vai trò, đặc điểm nguyên tắc, nội dung quản lý TSC trong các cơ quan nhà nước; tìm hiểu kinh nghiệm quản lý TSC tại một số quốc gia có thể vận dụng cho Việt Nam.

2. Từ khảo sát thực trạng, luận án rút ra kết quả và nguyên nhân những tồn tại, bất cập trong quản lý TSC tại ngành TAND trong giai đoạn 2013-2017.

3. Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu đổi mới công tác tư pháp ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020 và công tác quản lý TSC trong các CQNN, luận án đã đề xuất 4 giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý TSC tại ngành TAND ở Việt Nam trong thời gian tới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 hướng dẫn chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.*
2. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 3/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng TSC.*
3. Bộ Tài chính, *Quản lý tài chính công - 10 năm xây dựng và phát triển (1995 - 2005)*
4. Bộ trưởng Bộ Tài chính (2008), *Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29/5/2008 về việc ban hành Chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định, trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.*
5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Quyết định số 312/2010/QĐ-TATC ngày 09/4/2010 của về việc phân cấp quản lý và sử dụng tài sản nhà nước thuộc Hệ thống tòa án nhân dân.*
6. Chiến lược tài chính với phát huy nội lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, (1999), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Bộ Tài chính).
7. Chính phủ (2006), *Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/1/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền đất.*
8. Chính phủ (2006), *Quyết định số 260/2006/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp.*
9. Chính phủ (2007), *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 179/2007/QĐ-TTg ngày 26/11/2007 về việc ban hành quy chế tổ chức mua sắm tài sản hàng hoá từ NSNN theo phương thức tập trung.*
10. Chính phủ (2008), *Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng*

*tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.*

11. Chính phủ (2009), *Nghị định của Chính phủ số 52/2009/NĐ-CP ngày 3/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng TSC.*
12. Chính phủ (2014), *Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.*
13. Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề tài chính (1989), Nxb Sự thật, Hà Nội.
14. Cục Quản lý công sản, Bộ Tài chính (2012), *Báo cáo tổng hợp tình hình tài sản công từ 2012 đến 2017.*
15. Cục Tin học và Thống kê tài chính, Bộ Tài chính, *Cơ sở dữ liệu thông tin quản lý tài sản công*
16. Đề án trang bị phương tiện làm việc của Tòa án nhân dân các cấp giai đoạn III (2014-2018); giai đoạn IV (2018-2022).
17. Học viện Hậu cần (2010), *Giáo trình quản lý kinh tế*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
18. Học viện Hậu cần (2012), *Giáo trình quản lý tài chính 2012*
19. Học viện Tài chính (2007), *Giáo trình quản lý tài sản công*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
20. Nguyễn Sinh Hùng (1996), “*Một số vấn đề cơ bản về quản lý tài chính đối với tài sản, tài nguyên thuộc sở hữu Nhà nước*”, Nxb Tài chính Hà Nội.
21. *Luật Dân sự 6/2005, (2005)*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
22. *Luật đất đai ngày 29/11/2013*, Nxb Tài chính Hà Nội.
23. *Luật Ngân sách Nhà nước sửa đổi, (2015)*, Nxb Tài chính Hà Nội.
24. *Luật Quản lý sử dụng TSC số 09/2008/QH ngày 3/6/2008*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
25. *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TANDTC nhiệm kỳ 2015-2020.*
26. Quốc hội (2013), Hiến pháp năm 2013.
27. Quốc hội (2014), *Nghị quyết số 81/2014/QH13 ngày 24/11/2014 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ chức tòa án nhân dân.*
28. Quốc hội, (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.*

29. Thủ tướng Chính phủ (2006) Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 18/7/2006 Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.
30. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.*
31. Tòa án nhân dân tối cao (2017) *Báo cáo tình hình tăng, giảm TSCĐ 2013-2017*
32. Tòa án nhân dân tối cao (2017) *Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý TSC 2013-2017*
33. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo kết quả kiểm kê 2013-2017*
34. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo tổng hợp kết quả mua sắm TSC 2003-2017*
35. Toà án nhân dân tối cao (2015), “70 năm ngành toà án nhân dân”.
36. Nguyễn Văn Xa (2005), “*Đổi mới cơ chế quản lý tài sản nhà nước, cơ chế quản lý tài chính đất đai*”, Thông tin phục vụ lãnh đạo số 1+2.

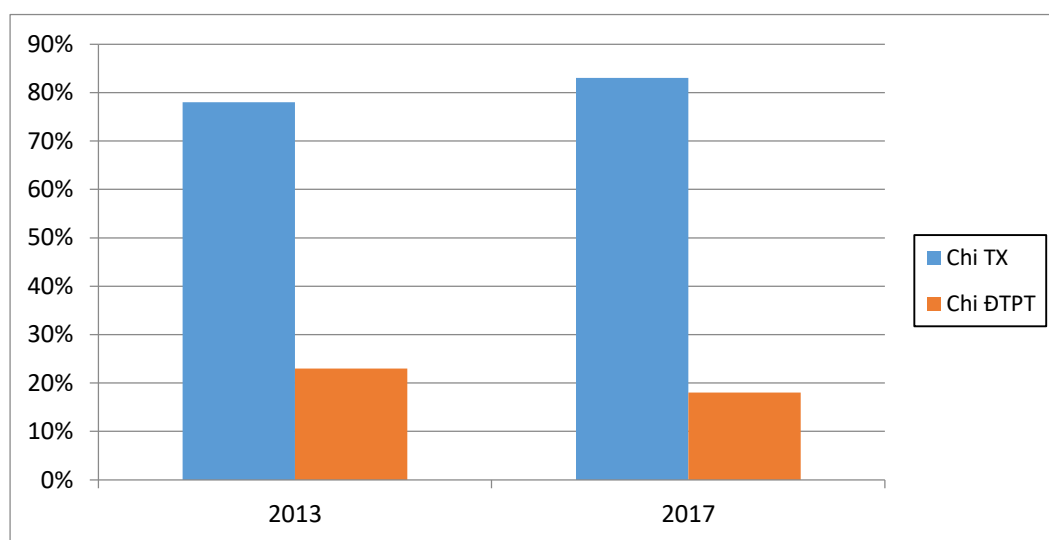
## PHỤ LỤC

**Bảng 2.1. Tổng hợp ngân sách được phân bổ của ngành TAND 2013-2017**

Chỉ tiêu	2013			2014			2015			2016			2017		
	DT	TH	%	DT	TH	%	DT	TH	%	DT	TH	%	DT	TH	%
Quy mô( triệu đồng)															
<b>Tổng ngân sách</b>	1.550.120	1.751.354	113	1.869.930	1.893.730	101,3	2.146.540	2.452.431	114,2	2.755.710	2.730.134	99	2.840.100	2.942.265	103,6
- Chi thường xuyên	1.150.120	1.351.354	117,5	1.469.930	1.493.730	101,6	1.656.540	2.962.431	118,5	2.311.150	2.285.574	98,9	2.350.100	2.452.265	104,3
- Chi ĐTPT	400.000	400.000	100	400.000	400.000	100	490.000	490.000	100	444.560	444.560	100	490.000	490.000	100
Tỷ trọng(%)															
<b>Tổng ngân sách</b>		100			100			100			100			100	
- Chi thường xuyên		77,2			78,9			80,1			83,8			83,4	
- Chi ĐTPT		22,8			21,1			19,9			16,2			16,6	

*Nguồn: Báo cáo QTNS từ 2013 - 2017 - TANDTC*

**Biểu đồ 2.1. Cơ cấu chi ngân sách ngành TAND 2013-2017**



**Bảng 2.2. Tổng hợp TSC tại hệ thống TAND giai đoạn 2012-2017**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Tổng giá trị TSC</b>	8.388.088	8.818.650	9.164.048	9.371.349	9.747.897	9.927.124
<b>1. Đất đai</b>	5.620.714	5.730.078	5.807.460	5.902.919	6.022.736	6.052.525
<b>2. Nhà</b>	2.126.218	2.426.185	2.644.386	2.672.719	2.875.019	3.060.421
<b>3. Phương tiện vận tải</b>	110.391	134.527	148.998	154.910	165.172	157.196
<b>4. Tài sản chuyên dùng và tài sản khác</b>	530.685	527.860	563.204	640.801	684.970	656.982

*Nguồn: Báo cáo kiểm kê TSC từ 2012-2017- TANDTC*



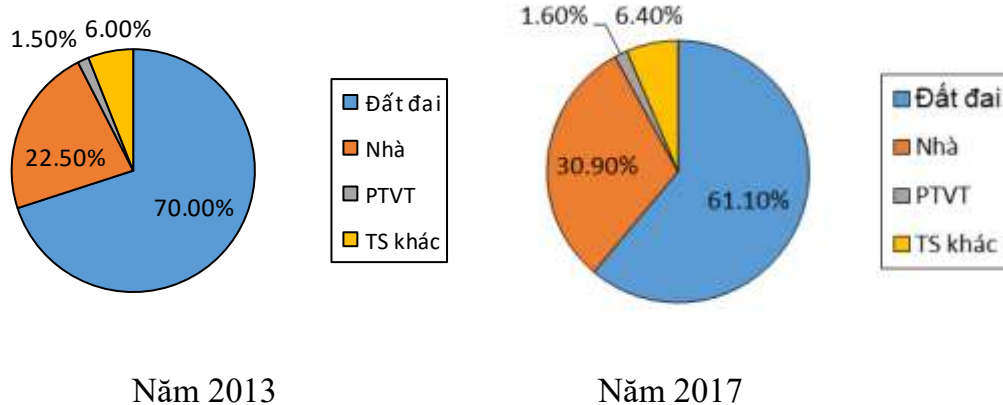
**Bảng 2.3. Cơ cấu các loại TSC chủ yếu**

*ĐVT: %*

Loại TSC	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng TSC	100	100	100	100	100
- Đất đai	70	63,4	63,1	61,9	61,1
- Nhà	22,5	28,9	28,5	29,5	30,9
- PTVT	1,5	1,6	1,6	1,6	1,6
- TS khác	6,0	6,1	6,8	7,0	6,4

*Nguồn: Báo cáo TSC năm 2013-2017 - TANDTC*

**Biểu đồ 2.2. Cơ cấu TSC năm 2013 và 2017**



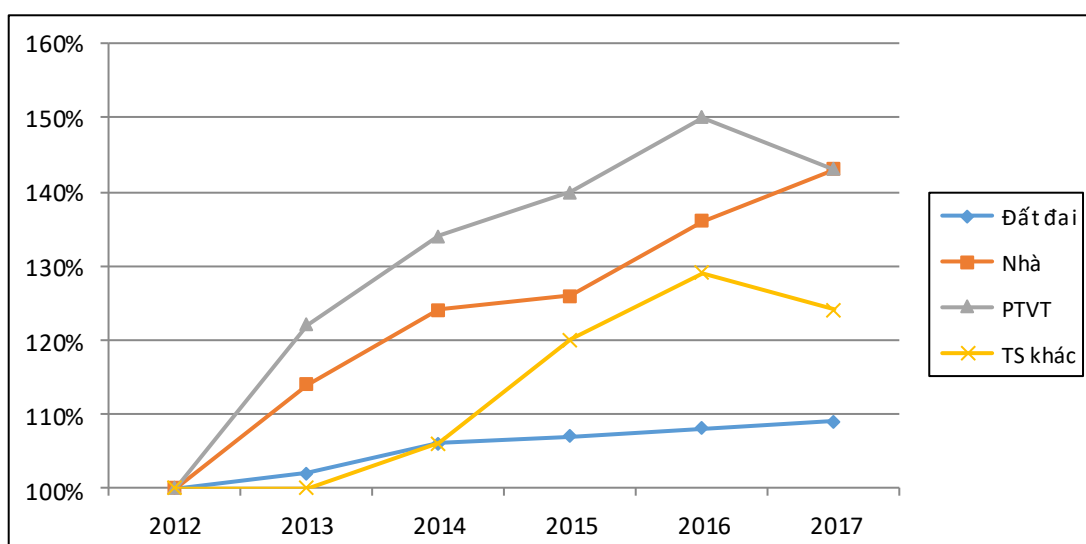
**Bảng 2.4. Tốc độ tăng trưởng TSC tại hệ thống TAND từ 2012-2017**

*ĐVT: %*

Loại TSC	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng TSC	100	105,1	109,2	111,7	116,2	118,3
- Đất đai	100	102	103,3	105	107,1	107,6
- Nhà	100	114	124,3	125,7	135,2	141,9
- PTVT	100	121,8	134,5	140	150	142,7
- TS khác	100	99	106	120,7	129	123,8

*Nguồn: Báo cáo TSC năm 2012-2017 - TANDTC*

**Đồ thị 2.1. Tốc độ tăng trưởng của TSC từ 2012-2017**



**Bảng 2.5. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản tại ngành TAND từ 2013 – 2017***ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	2013		2014		2015		2016		2017	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
1. Tổng kinh phí	400.000	100	400.000	100	550.000	100	504.560	100	550.000	100
- Từ chi đầu tư phát triển	400.000	86.9	400.000	86.9	490.000	89	444.560	88	490.000	89
- Từ kinh phí thường xuyên	60.000	13.1	60.000	13.1	60.000	11	60.000	12	60.000	11
2. Sử dụng										
a. Xây dựng mới	400.000	100	400.000	100	490.000	100	444.560	100	490.000	100
- TA cấp TW	64.660	16.1	103.880	25.7	138.800	28	145.170	32.6	162.650	33.3
- TA cấp Tỉnh	117.450	29.2	96.000	24	153.400	31.4	166.380	36.7	91.490	18.7
- TA cấp Huyện	217.890	54.7	200.120	50.3	197.800	40.6	136.010	30.7	235.860	48
b. Sửa chữa	60.000	100	60.000	100	60.000	100	60.000	100	60.000	100
- TA cấp TW	4.000	6.6	4.000	6.6	3.000	5	2.000	3.3	3.000	5
- TA cấp Tỉnh	2.600	43.3	27.000	45	25.000	41.6	24.000	40	24.000	40
- TA cấp Huyện	30.000	50.1	29.000	48.4	32.000	53.4	34.000	56.7	33.000	55

*Nguồn: Báo cáo TSC năm 2013-2017 - TANDTC*

**Bảng 2.6. Tình hình đầu tư mua sắm TSC là PTLV từ 2013-2017***ĐVT: Triệu đồng*

STT	Năm	2013		2014		2015		2016		2017	
	Loại tài sản	SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị
	<b>Tổng giá trị TSC</b>		83.438		153.391		114.816		142.031		136.186
1	Xe máy					758	15.160				
2	Máy photocopy	130	4.680	220	7.920	120	4.320	60	216	70	2.520
3	Máy vi tính	152	2.173	120	1.716	78	1.115	85	1.215	120	1.716
4	Tăng âm loa đài			1.913	57.620						
5	Tắc Ráng										
6	Máy fax										
7	Công từ										
8	Camera			127	12.700	222	7.180				
9	Máy phát điện	63	3.150					494	7.750		
10	Điều hòa										
11	Đồ gỗ		59.850		59.850		64.930		96.390		96.390
12	Giá để tài liệu	7.215	13.585	7.215	13.585	10.057	22.111	14.840	36.460	14.540	35.560

*Nguồn: Báo cáo mua sắm TSC 2013-2017 – TANDTC*

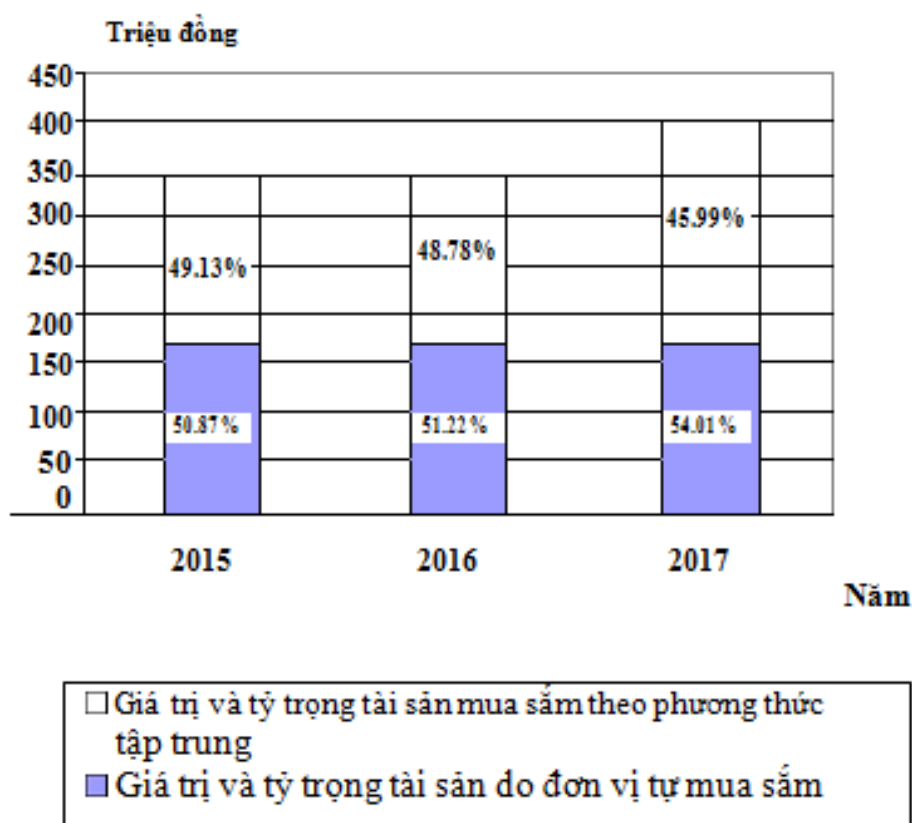
**Bảng 2.7. Tình hình thực hiện phương thức mua sắm TSC chủ yếu từ 2015-2017**

*ĐVT: %*

TT	Loại TS	2015		2016		2017		Chung 3 năm	
		Đơn vị	Tập trung	Đơn vị	Tập trung	Đơn vị	Tập trung	Đơn vị	Tập trung
1	Phương tiện vận tải	45.2	54.8	46.4	53.6	45.4	54.6	45.6	54.4
2	Trang thiết bị làm việc	53.7	46.3	52.6	47.4	51.2	48.8	52.5	47.5
3	Tài sản chuyên dùng	0	100	0	100	0	100	0	100
	<b>Chung các loại TS</b>	<b>49.1</b>	<b>50.9</b>	<b>48.8</b>	<b>51.2</b>	<b>46</b>	<b>54</b>	<b>48</b>	<b>52</b>

*Nguồn: Báo cáo kết quả mua sắm TSC 2015-2017 –TANDTC*

**Biểu 2.3. Biểu đồ so sánh quy mô và mức tăng giá trị mua sắm TSC theo hai phương thức mua sắm giai đoạn 2015-2017**



**Bảng 2.8. Tình hình biến động một số loại tài sản chủ yếu từ 2013-2017**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2017	So sánh 2017/2013(%)	Ghi chú
1.Nhà	m <sup>2</sup>	803.301	924.148	115	
-Nhà cấp 1 và biệt thự	m <sup>2</sup>	5.864	7.244	123.5	
-Nhà cấp 2	m <sup>2</sup>	186.188	231.250	124.2	
-Nhà cấp 3	m <sup>2</sup>	248.100	348.811	122.7	
-Nhà cấp 4	m <sup>2</sup>	327.179	336.843	103	
2.Oto	Cái	238	278	116.8	
-Xe phục vụ chức danh	Cái	8	9	112.5	
-Xe dùng chung	Cái	35	43	122.8	
-Xe chuyên dùng	Cái	195	226	115.9	
3.Phương tiện làm việc					
-Xe máy	Cái	1.524	2.282	149.7	
-Máy photo	Cái	1.155	1.382	119.6	
-Máy vi tính	Cái	9.806	10.480	106.8	
-Tăng âm loa đài	Bộ	1.329	3.242	243.9	
-Máy fax	Cái	549	579	105.5	
-Máy phát điện	Cái	338	895	264.8	
-Điều hòa	Cái	5.509	9.224	167.4	
-Giá để tài liệu	Cái	7.215	14.540	201.5	

*Nguồn: Báo cáo TSC tại ngành TAND 2013-2017*